

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thị Thu Hương**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TUẤN  
HÙNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thị Thu Hương**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Trần Thị Thu Hương Mã SV: 1313401128

Lớp: QT702 K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	8
<b>CHƯƠNG 1 : LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA</b> .....	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	2
1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	2
1.1.2. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2.1.Yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh .....	3
1.1.3.Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	4
1.1.3.1. Doanh thu .....	4
1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu. ....	7
1.1.3.3. Chi phí.....	8
1.1.3.4. Xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ , xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	10
1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	10
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.....	10
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng .....	10
1.2.1.3 Phương thức bán buôn .....	11
1.2.1.4. Phương pháp hạch toán .....	13
1.2.2 Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
1.2.2.1.Chứng từ sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	14
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	14
1.2.3. Doanh thu hoạt động tài chính .....	16
1.2.4. Kế toán Thu nhập khác .....	19
1.2.5. Kế toán chi phí sản xuất.....	21
1.2.5.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	21

1.2.6. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	24
1.2.7.Kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	29
1.2.7.1.Kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	29
1.2.8.Kế toán chi phí khác.....	32
1.2.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	33
1.2.10. Tổ chức, vận dụng sổ kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	35
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TUẤN HUNG.....</b>	<b>38</b>
2.1.Khái quát chung về Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng	38
2.1.1.Thông tin của công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng.....	38
2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng.....	38
2.1.3.Đặc điểm kinh doanh của công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng.....	39
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng.....	39
2.1.5.Những thuận lợi và khó khăn tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng.....	41
2.2. Đặc điểm công tác kế toán tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng.....	43
2.2.1.Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty.....	43
2.2.2.Hình thức ghi sổ và các chính sách của công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng.....	44
2.2.2.1. Hình thức ghi sổ tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng.....	44
2.2.2.2. Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng.....	46
2.3.Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng .....	46
2.3.1. kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng.....	46
2.3.1.1.Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng .....	47

2.3.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	53
2.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	53
2.3.3.1 Chứng từ sử dụng:.....	53
2.3.3.2. Ví dụ minh họa.....	55
2.2.3.3 Kế toán chi phí quản lí kinh doanh .....	59
2.3.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	71
2.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh bán hàng .....	76
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ</b>	
<b>TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH</b>	
<b>TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TUẤN HƯNG ....</b>	<b>82</b>
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Xây Dựng và Phát Triển Tuấn Hưng .....	82
3.1.1. Ưu điểm.....	82
3.1.2. Nhược điểm.....	83
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. ....	84
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>90</b>

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	14
Sơ đồ 1.2 :Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	16
Sơ đồ 1.3: sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	18
Sơ đồ 1.4:sơ đồ kế toán thu nhập khác .....	20
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên theo QĐ 48. ....	22
Sơ đồ 1.6:Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ. ....	23
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí bán hàng .....	26
Sơ đồ 1.8 :Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp. ....	28
Sơ đồ 1.9:sơ đồ kế toán chi phí tài chính .....	31
Sơ đồ 1.10: sơ đồ kế toán chi phí khác .....	32
Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ kế toán xác định kết quả bán hàng. ....	34
Sơ đồ 1.12 :Sơ đồ hoạch toán theo hình thức nhật ký chung.....	35
Sơ đồ 2.1.sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuần Hưng.....	40
Sơ đồ 2.2.sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuần Hưng.....	43
Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung .....	44
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ luân chuyển chứng từ doanh thu bán hàng tại công ty.....	47
Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn.....	54
Sơ đồ 2.6 :Quy trình hoạch toán chi phí bán hàng.....	60
Sơ đồ 2.7:Quy trình hoạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	66

## DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Biểu 2.1.Một số kết quả tài chính của công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng trong 2 năm gần đây. ....	39
Biểu 2.2 HĐGTGT .....	49
Biểu số 2.3:Sổ chi tiết bán hàng.....	48
Biểu số 2.4. Sổ chi tiết bán hàng.....	49
Biểu 2.5 :Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu bán hàng.....	50
Biểu 2.6:Sổ nhật kí chung .....	51
Biểu 2.7 : Sổ cái TK 511 .....	52
Biểu 2.8 :Phiếu xuất kho .....	56
Biểu 2.9 :Sổ nhật kí chung .....	57
Biểu 2.10 :Sổ cái TK 632.....	58
Biểu số 2.11 :Phiếu chi.....	62
Biểu số 2.12: sổ nhật kí chung .....	63
Biểu số 2.13: Sổ cái tk 6421.....	64
Biểu 2.14 :Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.....	68
Biểu 2.15:Sổ nhật kí chung .....	69
Biểu 2.16:Sổ cái tk 6422 .....	70
Biểu 2.17:giấy báo có.....	72
Biểu 2.18:Sổ nhật kí chung .....	73
Biểu 2.19:Sổ cái tk 515 .....	74
Biểu 2.20: Sổ cái tk 635 .....	75
Biểu 2.21 : phiếu kế toán số 126.....	77
Biểu 2.22 :Phiếu kế toán số 127.....	78
Biểu 2.23 : Phiếu kế toán số 128.....	78
Biểu 2.24 :phiếu kế toán số 129 .....	79
Biểu 2.25 :Phiếu kế toán số 130.....	79
Biểu 2.26:Sổ nhật kí chung .....	80
Biểu 2.27: Sổ cái tk 911 .....	81



## LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đều phải chịu sự chi phối của quy luật thị trường, quy luật cung cầu của thị trường, quy luật đào thải, quy luật cạnh tranh khốc liệt và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Để có thể tồn tại lâu dài và vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, phải năng động sáng tạo, nắm bắt các thông tin đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác. Muốn như vậy các doanh nghiệp phải nhận thức được vị trí khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá vì nó quyết định đến kết quả kinh doanh của kinh doanh nghiệp và là cơ sở để doanh nghiệp có thu nhập bù đắp chi phí bỏ ra, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà Nước.

Bên cạnh đó, mục đích hoạt động của doanh nghiệp là lợi nhuận nên việc xác định đúng đắn KQKD nói chung về kết quả bán hàng nói riêng là rất quan trọng. Do vậy bên cạnh các biện pháp quản lý chung, việc tổ chức hợp lý công tác kế toán doanh thu, chi phí, bán hàng là rất cần thiết giúp doanh nghiệp có đầy đủ thông tin kịp thời và chính xác để đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn.

Doanh nghiệp kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao là cơ sở doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển ngày càng vững chắc trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh sôi động và quyết liệt.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí vận dụng lý luận đã được học tập tại trường kết hợp với thực tế thu nhận được từ công tác kế toán tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng, em đã chọn đề tài "**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng**" làm đề tài cho luận văn tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, luận văn gồm 3 chương:

**Chương 1 : Lý luận chung về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa**

**Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng và phát triển Tuấn Hưng**

**Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng và phát triển Tuấn Hưng**

Em xin chân thành cảm ơn phòng kế toán, các phòng ban chức năng của công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng và Th.s Trần Thị Thanh Thảo đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài luận này.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

Sinh viên

Trần Thị Thu Hương

**CHƯƠNG 1 :****LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH  
DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA****1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*****1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

- Đối với nhà nước:

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng với nhà nước:

- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước có thể tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị- an ninh- xã hội tốt nhất.

- Đối với doanh nghiệp:

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.

- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.

- Có căn cứ để thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất, kinh doanh.

- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

- Đối với các nhà đầu tư:

Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính, các nhà đầu tư sẽ phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với các nhà cung cấp:

Kết quả kinh doanh và lịch sử thanh toán là căn cứ để đưa ra các quyết định về việc cho doanh nghiệp chậm thanh toán.

- Đối với các tổ chức tài chính trung gian:

Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

### **1.1.2. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

#### *1.1.2.1. Yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh.*

Quản lý nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa trong doanh nghiệp là quá trình quản lý hàng hóa về số lượng, chất lượng giá trị hàng hóa bán ra, quản lý từ khâu mua, bán từng mặt hàng, từng nhóm hàng cho đến khi thu được tiền hàng cụ thể như sau:

- Quản lý về giá cả bao gồm: việc lập dự định về theo dõi, việc thực hiện giá đưa ra kế hoạch của kì tiếp theo.

- Quản lý về số lượng: giá trị hàng hóa xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng lần gửi hàng, từng nhóm hàng.

- Quản lý việc thu hồi tiền bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: quản lý tiêu thụ hàng hóa tốt sẽ tạo điều kiện cho quản lý kết quả kinh doanh tốt. Từ đó hạn chế rủi ro trong kinh doanh cũng như ngăn chặn nguy cơ thất thoát hàng hóa, đảm bảo tính chính xác của các số liệu đưa ra.

#### *1.1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh*

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,...đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và toàn bộ chi phí phát sinh trong kì để cuối kì tập hợp doanh thu, chi phí từ đó xác định được kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục, biến động tăng, giảm các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập báo cáo tài chính.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời cho việc lập báo cáo tài chính và định kì phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo những thông tin cần thiết để xây dựng những kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

### **1.1.3. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

#### *1.1.3.1. Doanh thu*

##### a) Một số khái niệm về doanh thu

• *Doanh thu bán hàng* : Là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa cho khách hàng bao gồm các phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán( nếu có).

• *Doanh thu hoạt động tài chính* : Bao gồm những khoản thu từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như : tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỉ giá hối đoái, thu nhập về các khoản đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập về hoạt động đầu tư khác vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư khác và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

*Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm :*

- Tiền lãi : lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ ;...

- Cổ tức lợi nhuận được chia ;

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn ;

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh. Đầu tư vào công ty liên kết, đầu vào công tư con, đầu tư vốn khác ;

- Lãi tỷ giá hối đoái ;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác ;

• *Thu nhập khác* : Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng ;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường ;
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ ;
- Các khoản thuế được Ngân Sách Nhà Nước hoãn lại ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng ;
- Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp ;

b) Thời điểm ghi nhận doanh thu

- Ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa.
- Ghi nhận doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau :

+ Doanh thu đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

-Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như :

+ Doanh nghiệp vẫn còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường, mà việc này không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường.

+ Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc vì phụ thuộc vào người mua.

+ Hàng hóa được giao còn chờ lắp đặt đó là 1 phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành.

+ Khi người mua có quyền hủy bỏ việc mua hàng vì một lí do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

- Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

- Cung cấp dịch vụ : Nghĩa là thực hiện những công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau :

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn hành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.

- Tiền lãi : là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền hoặc các khoản tương đương tiền như : lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,...

- Tiền bản quyền : là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản như : bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại,...

- Cổ tức và lợi nhuận được chia : là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau :

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn/

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở :

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kì.
- + tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức.

#### *1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.*

- Chiết khấu thương mại : Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

- Giảm giá hàng bán : Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Giá trị hàng bán bị trả lại : giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như : vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kì.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp :

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ( hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng.

Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kì báo cáo.

\* Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu.

### 1.1.3.3. Chi phí

Chi phí nói chung là sự hao phí được thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ nhằm đến việc đạt được mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp.

#### a) Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kì đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kì.

#### b) Chi phí quản lí kinh doanh

##### • Chi phí bán hàng.

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm :

- Chi phí nhân viên bán hàng.
- Chi phí vật liệu bao bì.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Chi phí bảo hành sản phẩm.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

##### • Chi phí quản lí doanh nghiệp.

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lí kinh doanh, quản lí hành chính và quản lí điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lí doanh nghiệp bao gồm :

- Chi phí nhân viên quản lí.



- Chi phí vật liệu quản lí.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Thuế, phí và lệ phí.
- Chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

c) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm : các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

d) Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm : Chi phí thanh lí nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lí nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác,...

e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kì tính thuế và thuế suất thuế hu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kì bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

**Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN**

*1.1.3.4. Xác định kết quả kinh doanh*

Xác định kết quả kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng thuần (doanh thu thuần) với giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh ( gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp). Việc xác định kết quả kinh doanh thường được tiến hành vào cuối kỳ kinh doanh thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm tùy thuộc vào từng đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp

Công thức : *Cách xác định kết quả kinh doanh*

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Doanh thu bán hàng thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho số hàng bán}$$

Trong đó :

$$\text{Doanh thu bán hàng thuần} = \text{Tổng doanh thu bán hàng} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

- *Kết quả hoạt động tài chính:*

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

-*Kết quả hoạt động khác:*

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

**1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ , xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

**1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

*1.2.1.1. Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

*1.2.1.2. Tài khoản sử dụng*

- Tk 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

TK 511 có 4 TK cấp 2:

- + TK 511(1): Doanh thu bán hàng
- + TK 511(2): Doanh thu bán các thành phẩm
- + TK 511(3) : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- +TK 511(8): Doanh thu khác

- Kết cấu TK 511

Bên Nợ :

- Thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu( chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.)

- Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang TK 911

Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư và cung cấp lao dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

**Các phương thức kinh doanh bán hàng trong doanh nghiệp sản xuất.**

\* Phương thức kinh doanh bán hàng là cách thức doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho khách hàng và thu được tiền về số lượng hàng hóa đã tiêu thụ.

\* Các phương thức kinh doanh bán hàng

Hoạt động mua bán hàng hóa của doanh nghiệp sản xuất có thể thực hiện qua hai phương thức bán buôn và bán lẻ. Trong đó, bán buôn là bán hàng cho các đơn vị sản xuất kinh doanh để tiếp tục quá trình lưu chuyển hàng hóa và bán với số lượng lớn. Bán lẻ là bán cho người tiêu dùng, chấm dứt quá trình lưu chuyển hàng hóa, thường bán với số lượng nhỏ.

*1.2.1.3 Phương thức bán buôn*

Có 2 phương thức bán buôn là bán hàng qua kho và bán hàng không qua kho:

+ **Phương thức bán buôn qua kho:** là phương thức bán buôn mà hàng hóa được xuất ra từ kho bảo quản của doanh nghiệp để tham gia vào quá trình bán hàng. Phương thức này được thể hiện qua 2 hình thức:

- Hình thức chuyển hàng: Căn cứ vào hợp đồng đã ký hoặc theo đơn đặt hàng, đơn vị bán xuất kho hàng hóa và tiến hành chuyển cho bên mua hàng bằng phương tiện vận tải của mình. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của đơn vị bán, chỉ khi bên mua nhận hàng và chấp nhận thanh toán mới được coi là bán hàng.

- Hình thức giao hàng trực tiếp: Bên mua căn cứ vào hợp đồng đã ký cử người đại diện mang giấy ủy nhiệm đến kho của bên bán trực tiếp nhận hàng và áp tải hàng về, bên bán xuất kho hàng hóa giao trực tiếp cho đại diện bên mua.

+ **Phương thức bán buôn không qua kho:** là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp sau khi nhận hàng của bên cung cấp sẽ chuyển bán thẳng cho bên mua không phải qua nhập kho. Đây cũng là phương thức bán hàng chủ yếu trong doanh nghiệp thương mại. Phương thức này gồm hai hình thức:

- Bán buôn vận chuyển thẳng có tham gia thanh toán: Doanh nghiệp ký hợp đồng với nhà cung cấp và với khách hàng để mua bán hàng. Hàng hóa được chuyển thẳng từ nhà cung cấp đến khách hàng. Doanh nghiệp có trách nhiệm đòi tiền của khách hàng để trả cho nhà cung cấp và hưởng phần chênh lệch.

- Bán buôn vận chuyển thẳng không tham gia thanh toán: Doanh nghiệp sẽ không phát sinh các nghiệp vụ mua bán hàng hóa mà chỉ làm trung gian cho bên cung cấp và bên mua. Căn cứ vào hợp đồng giữa các bên doanh nghiệp sẽ được hưởng một khoản hoa hồng do bên cung cấp hoặc bên mua trả.

✓ ***Phương thức bán lẻ***

Phương thức bán lẻ có thể thực hiện dưới các hình thức sau

+ Phương thức bán hàng thu tiền tập trung: là hình thức bán hàng mà nghiệp vụ thu tiền và nghiệp vụ giao hàng tách rời nhau. Nhân viên thu ngân có nhiệm vụ viết hóa đơn thu tiền và giao cho khách hàng để khách hàng đến nhận hàng ở quầy do nhân viên bán hàng giao. Do có việc tách rời giữa người bán và người thu tiền như vậy sẽ tránh được sai sót, mất mát hàng hóa và tiền.

+ Phương thức bán hàng thu tiền trực tiếp

Nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền và giao hàng cho khách hàng. Cuối ngày nhân viên bán hàng kiểm tiền làm giấy nộp tiền, kiểm kê hàng hóa hiện còn ở quầy và xác định lượng hàng hóa sản xuất ra trong ngày. Sau đó lập báo cáo bán hàng để xác định doanh số bán, đối chiếu với số tiền đã nộp theo giấy nộp tiền.

+ Phương thức bán hàng tự động:

Theo phương thức này, người mua tự chọn hàng hóa sau đó mang đến bộ phận thu ngân kiểm hàng, tính tiền, lập hóa đơn bán hàng và thu tiền. Cuối ngày nộp tiền bán hàng cho thủ quỹ. Định kỳ kiểm kê, xác định thừa, thiếu tiền bán hàng.

✓ **Các phương thức bán hàng khác**

+ **Kế toán bán hàng theo phương chuyển hàng chờ chấp nhận:** Là phương thức chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao. Thì lượng hàng người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

+ **Phương thức hàng đổi hàng**

+ **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.**

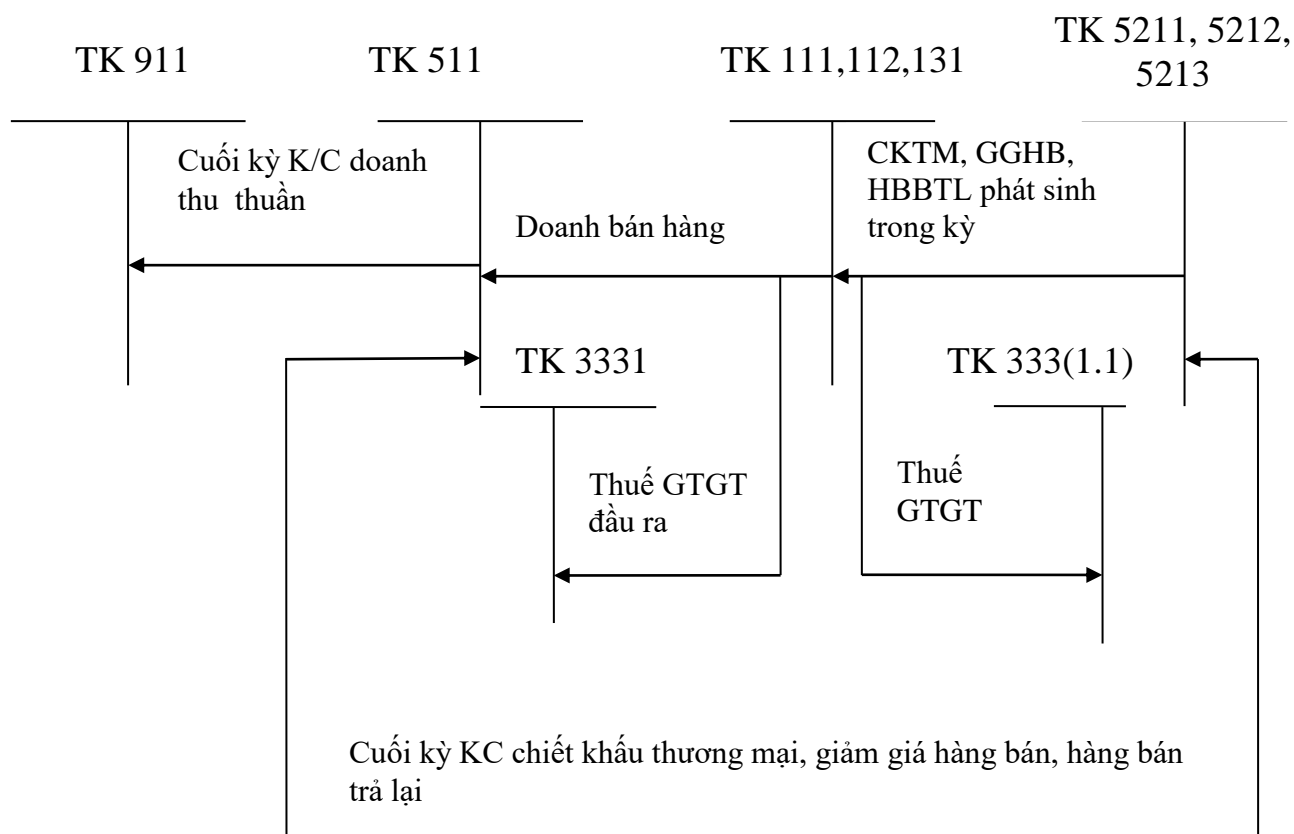
Bán hàng trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và trả lãi do trả chậm.

+ **Phương thức bán qua đại lý, ký gửi**

Là phương thức doanh nghiệp giao hàng cho các đại lý ký gửi để các đại lý này trực tiếp bán hàng. Bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán, thanh toán tiền hàng và hưởng hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Số tiền chuyển giao cho các đại lý ký gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi các đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc gửi thông báo về số hàng đã bán được thì số hàng đó được coi là tiêu thụ.

*1.2.1.4. Phương pháp hạch toán*

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ được khái quát qua sơ đồ 1.1 sau :



**Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

## 1.2.2 Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

### 1.2.2.1. Chứng từ sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi.
- Phiếu nhập kho.
- Giấy báo nợ ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

### 1.2.2.2. Tài khoản sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán.

✓ **Chứng từ sử dụng:** hợp đồng bán hàng, hóa đơn bán hàng, các quyết định giảm giá cho công ty.....

✓ **Tài khoản kế toán sử dụng:**

- TK 5211 - Chiết khấu thương mại: Dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế.

- TK 5212 - Hàng bán bị trả lại: Dùng để theo dõi doanh thu của số hàng hóa, thành phẩm, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: do vi phạm cam kết, vi phạm HĐ kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

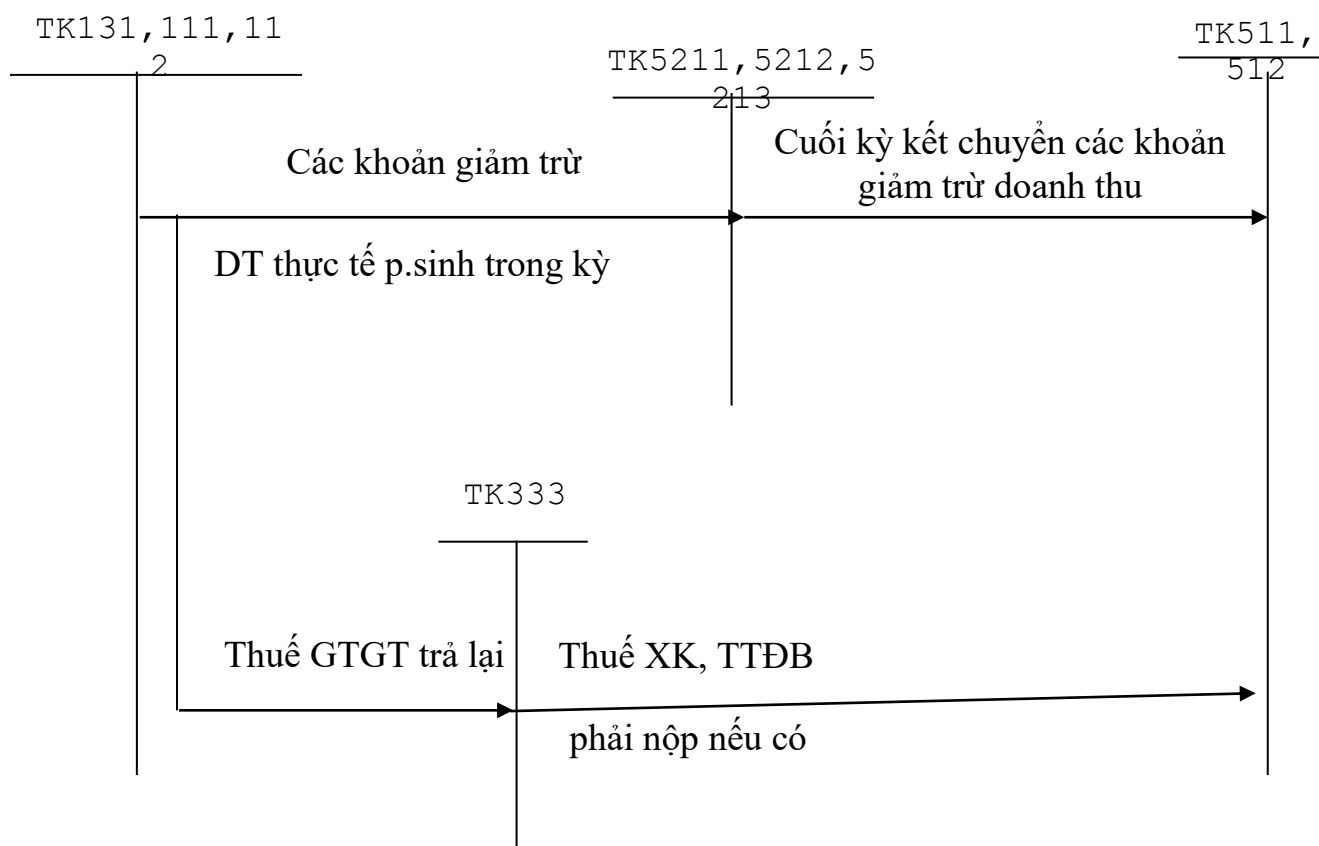
- TK 5213 - Giảm giá hàng bán: Được sử dụng để theo dõi toàn bộ các khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng trên giá bán đã thỏa thuận vì các lý do chủ quan của doanh nghiệp.

- Thuế TTĐB, Thuế XK, Thuế GTGT: Là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng, các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dung hàng hóa, dịch vụ phải chịu, các cơ sở kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dung hàng hóa dịch vụ đó.

TK 3331: "Thuế GTGT phải nộp (trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ).

TK 3332: "Thuế TTĐB" (trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những hàng hóa đặc biệt thuộc danh mục vật tư hàng hóa chịu thuế TTĐB).

TK 3333: "Thuế XNK phải nộp".(Khi doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế XN, NK).

**Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu****1.2.3. Doanh thu hoạt động tài chính****✓ Khái niệm:**

Doanh thu hoạt động tài chính là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lời nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**✓ Tài khoản sử dụng:**

TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính

**✓ Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan



Kết cấu của TK 515:

✓ **Kết cấu TK 515 theo phương pháp kê khai thường xuyên**

Bên Nợ:

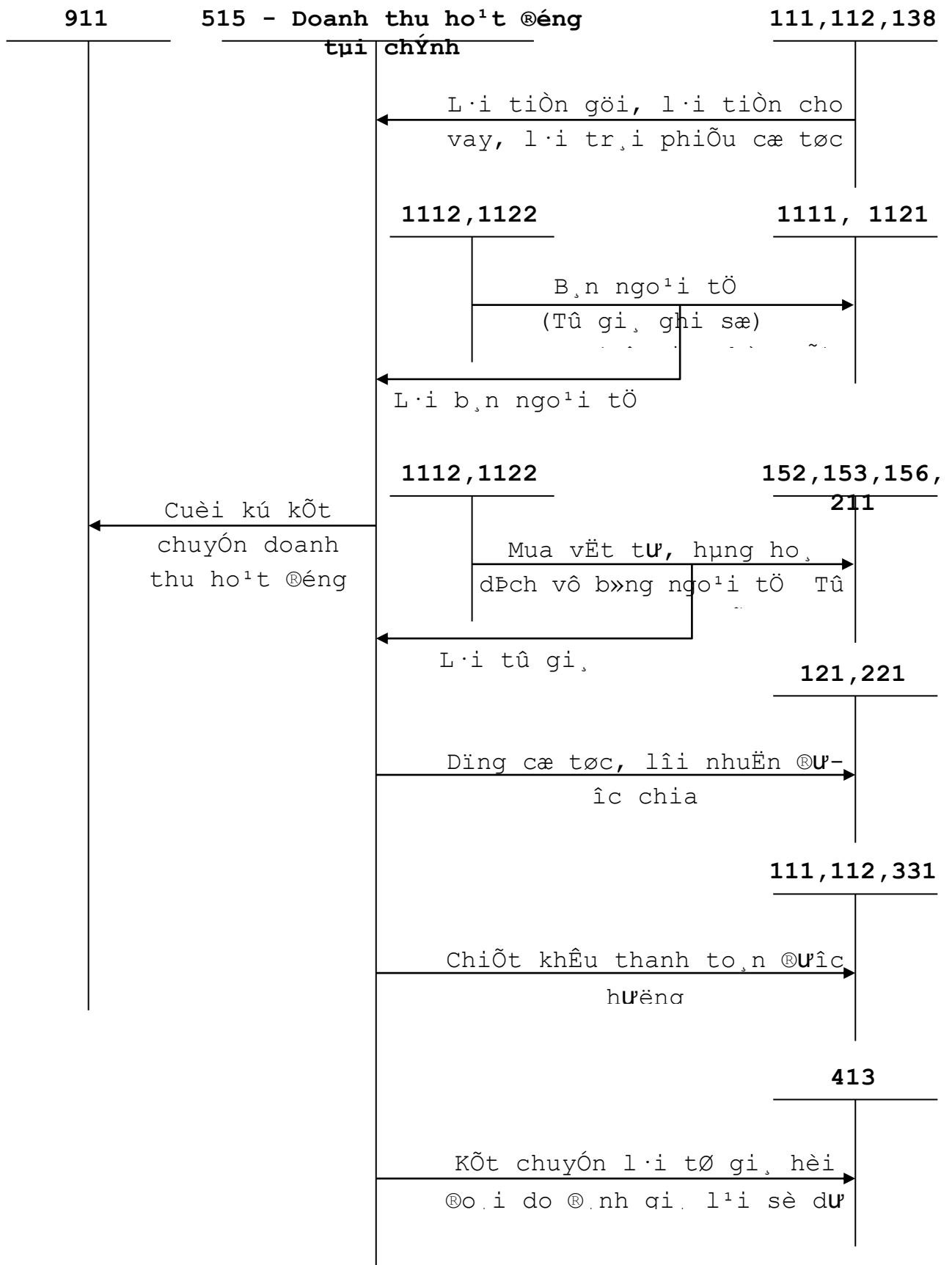
- Phản ánh số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Phản ánh kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có:

- Phản ánh tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Phản ánh lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Phản ánh chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Phản ánh lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kì hoạt động kinh doanh.
- Phản ánh lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Phản ánh lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Phản ánh kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB( giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Phản ánh doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kì.

TK 515 không có số dư

## \*Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.3: sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

#### 1.2.4. Kế toán Thu nhập khác

✓ **Khái niệm:**

Thu nhập hoạt động khác là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu những hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

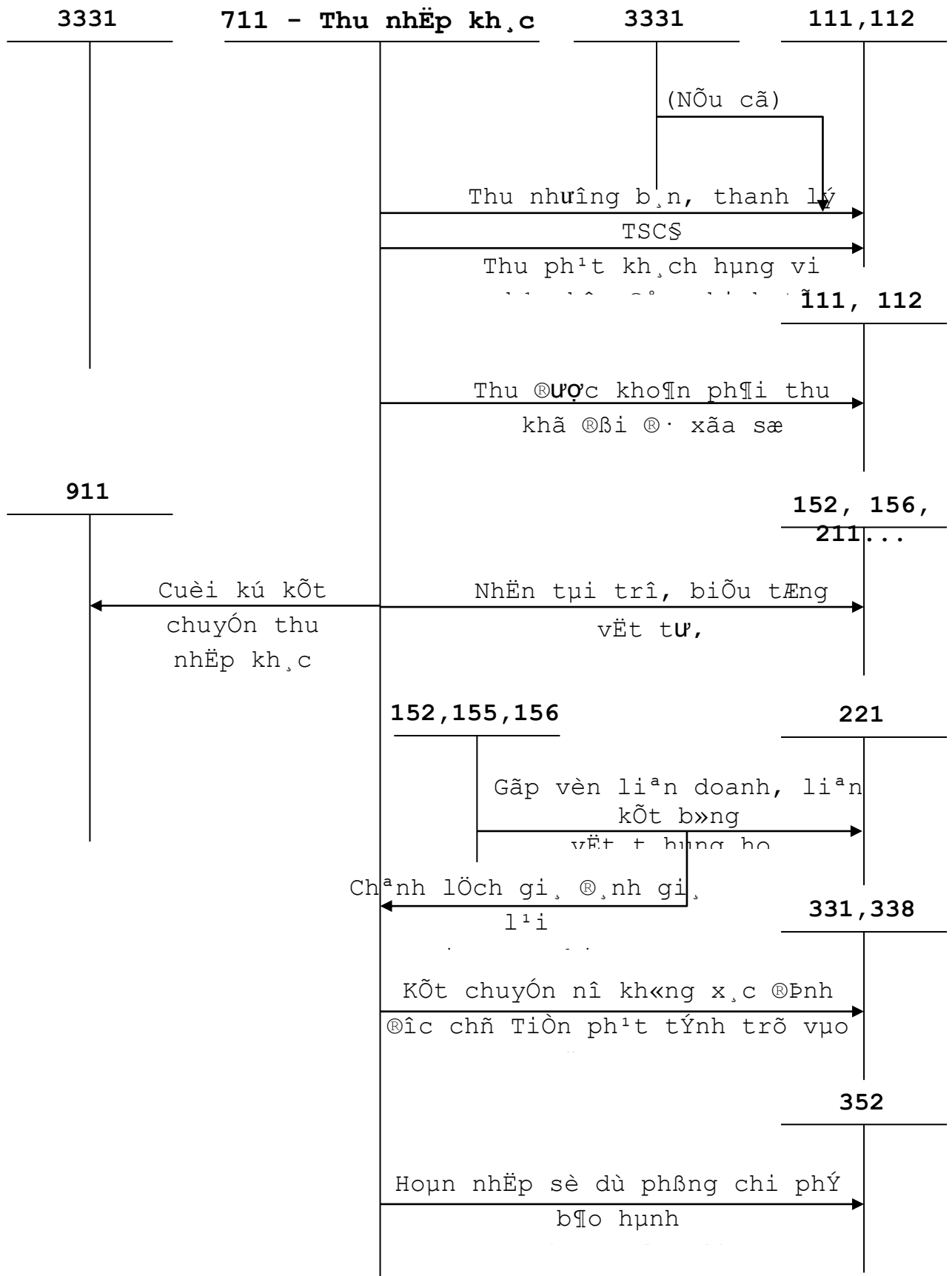
Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Khoản thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Thu tiền được phát do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xóa sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm dịch vụ không tính vào doanh thu( nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra...

✓ **Tài khoản sử dụng:**

TK 711- Thu nhập khác.

Phương pháp hạch toán: sơ đồ 1.4: sơ đồ kế toán thu nhập khác



**1.2.5. Kế toán chi phí sản xuất****1.2.5.1. Kế toán giá vốn hàng bán**✓ **Khái niệm:**

Trong doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán chính là tổng trị giá mua của hàng tiêu thụ trong kì với chi phí thu mua, lắp đặt, chạy thử phân bổ cho hàng tiêu thụ trong kì.

✓ **\*Chứng từ sử dụng:** hóa đơn mua hàng, phiếu xuất kho....✓ **Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 632 –“ Giá vốn hàng bán”

Kết cấu của TK 632 :

**Kết cấu TK 632 theo phương pháp kê khai thường xuyên****Bên Nợ:**

- Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ
- Phản ánh chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt mức bình thường, chi phí sản xuất chung cố định không được tính vào vốn hàng bán trong kỳ.
- Phản ánh các khoản hao hụt, mất mát hàng tồn kho sau khi đã trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ.
- Phản ánh số chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước.

**Bên Có:**

- Phản ánh hoàn nhập dự phòng số phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước.
  - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
  - Giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hóa bị người mua trả lại
- TK 632 không có số dư cuối kỳ.

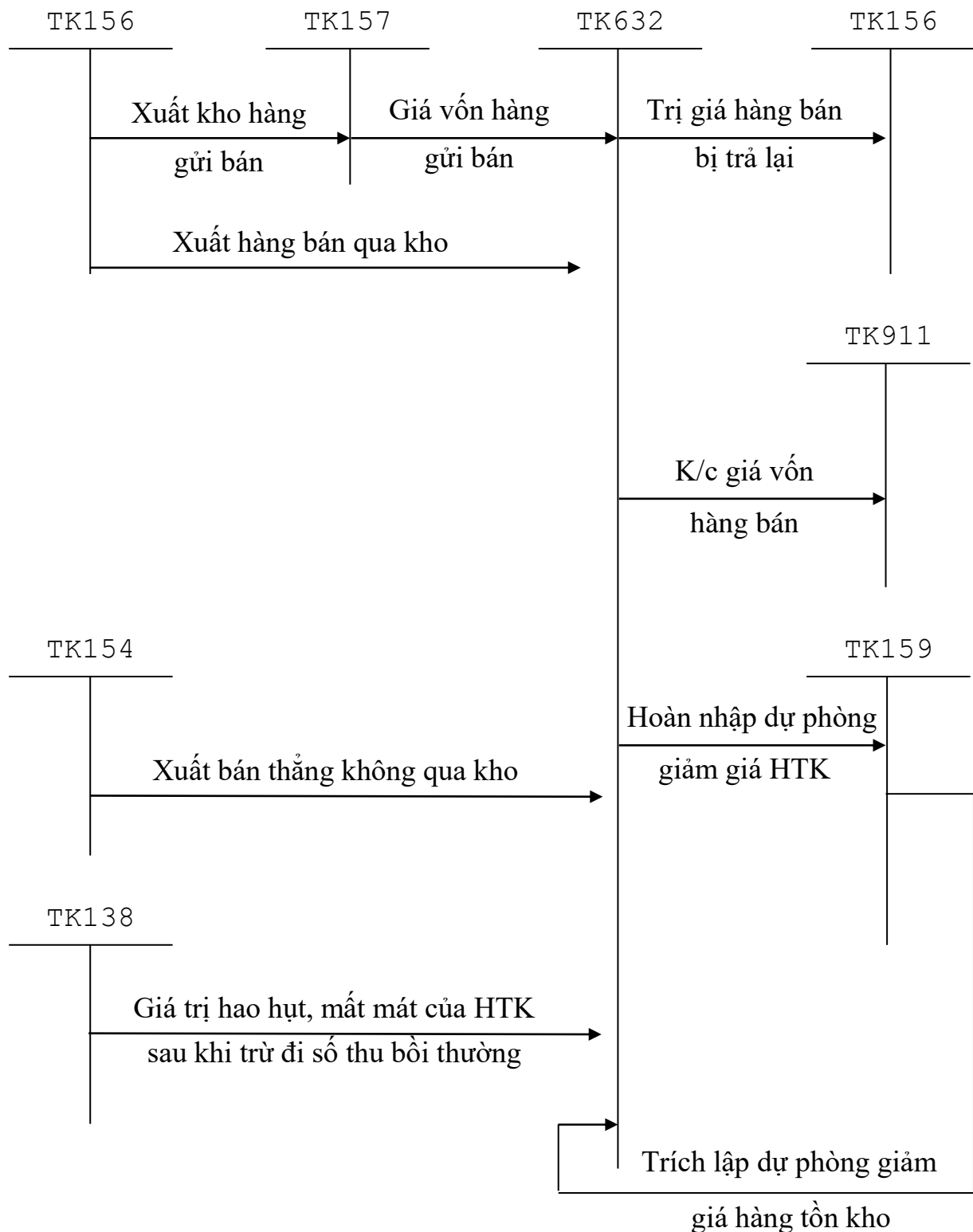
**Kết cấu TK 632 theo phương pháp kiểm kê định kỳ:****Bên Nợ:**

- Phản ánh giá trị vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ trong kỳ.
- Kết chuyển hàng hóa đã bán trong kỳ từ TK 611

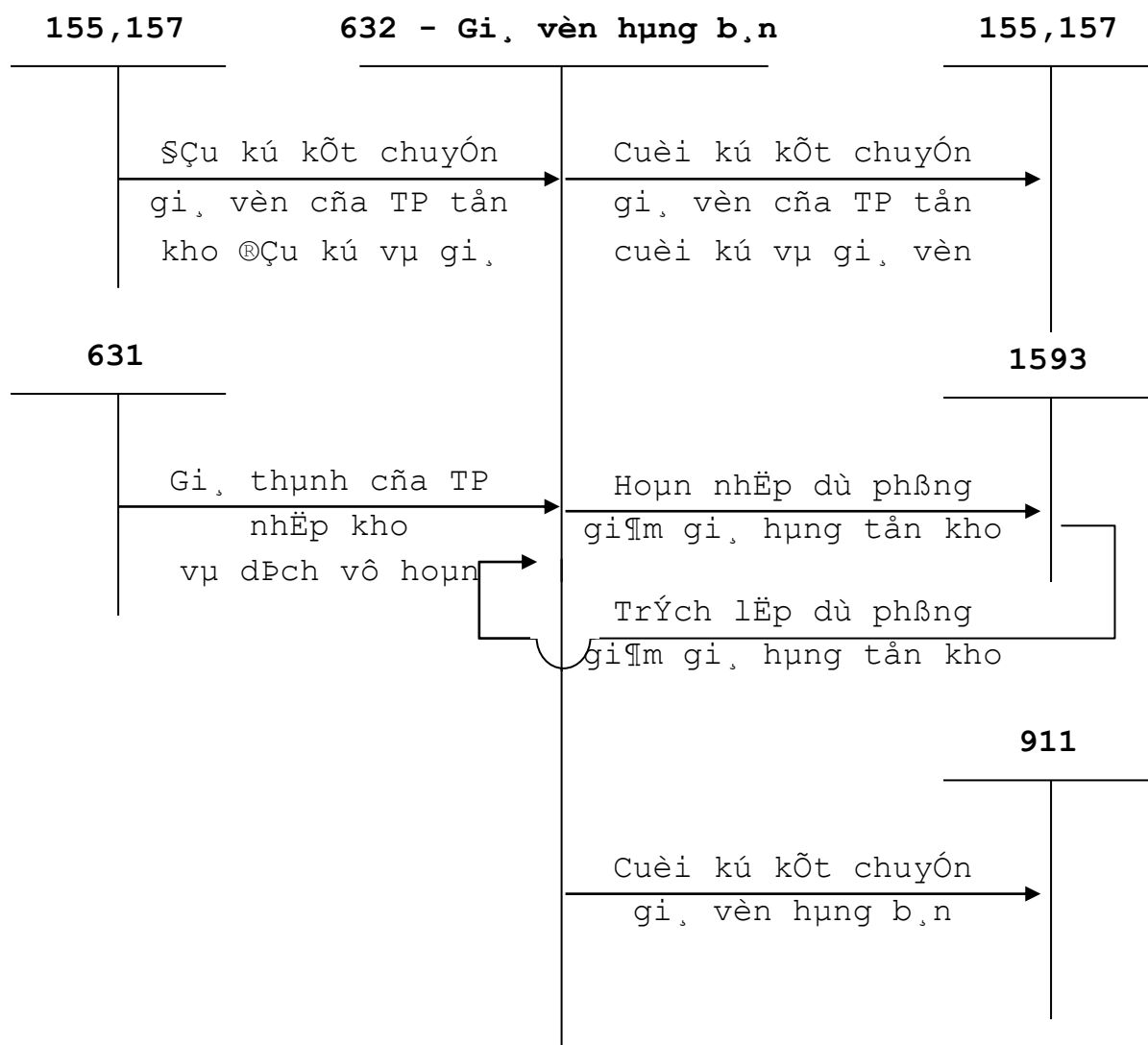
**Bên Có:**

- Kết chuyển giá thành thực tế của hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ.
  - Kết chuyển giá vốn của hàng đã tiêu thụ cuối kỳ để xác định KQKD.
- TK 632 không có số dư cuối kỳ

**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên theo QĐ 48.**



**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**



**Giá vốn hàng xuất bán được xác định như sau:**

$$\text{Tổng giá vốn} = \text{Số lượng xuất bán} \times \text{Đơn giá xuất kho}$$

**Đơn giá của hàng xuất kho được tính theo các phương pháp sau:**

\* *Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)*

Trị giá hàng xuất kho để bán trước thì được tính theo giá trị bán hàng hóa nhập kho của những lần nhập trước. Tức là cứ hàng hóa nào nhập trước thì đơn giá nhập kho của nó được dùng để tính giá trị xuất kho của những lô hàng xuất trước

\* *Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO)*: Trị giá vốn hàng xuất kho để bán trước thì được tính theo giá trị bán hàng hoá nhập kho của những lần

nhập sau cùng. Tức là cứ hàng hóa nào nhập sau thì đơn giá nhập kho của nó được dùng để tính giá trị suất kho của những lô hàng suất trước.

\* *Phương pháp bình quân gia quyền*: giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi lần nhập một lô hàng về, phụ thuộc tình hình của doanh nghiệp. có hai PP bình quân gia quyền:

+ *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ*:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình} \\ \text{quân cả} \\ \text{kỳ dự trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{hàng tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{hàng nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng tồn} \\ \text{kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{hàng xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{xuất thực tế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân gia} \\ \text{quyền cả kỳ dự trữ} \end{array}$$

+ *Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập*:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân sau mỗi lần} \\ \text{nhập} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế của} \\ \text{hàng còn lại sau lần} \\ \text{xuất trước} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế của} \\ \text{hàng nhập tiếp sau lần} \\ \text{nhập trước} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng còn lại} \\ \text{sau lần xuất trước} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng nhập} \\ \text{sau lần xuất trước} \end{array}}$$

### 1.2.6. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

*Chi phí quản lý kinh doanh TK 642 bao gồm:*

- TK 6421: chi phí bán hàng
- TK 6422: chi phí quản lý doanh nghiệp



***Chi phí bán hàng***

✓ Khái niệm:

Chi phí bán hàng là khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm.

✓ TK sử dụng: TK 6421 “ Chi phí bán hàng

✓ Kết cấu TK 6421:

TK 6421 không có số dư

## TK 6421

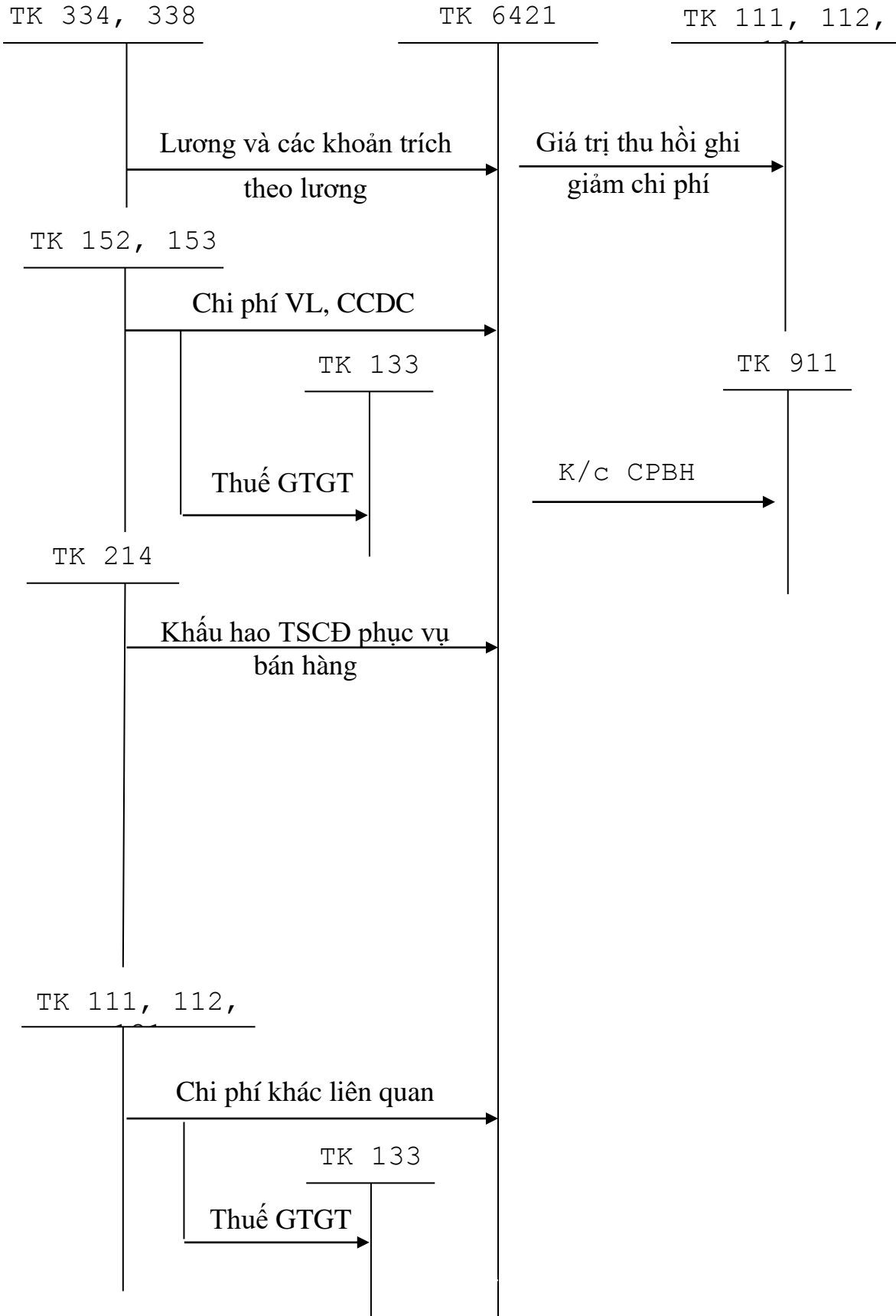
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

✓ Chứng từ sử dụng:

Hóa đơn GTGT, phiếu chi, Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, giấy báo nợ của ngân hàng...

\*Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng

**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí bán hàng**

*Khái niệm chi phí quản lý doanh nghiệp:*

Chi phí quản lý doanh nghiệp (CP QLDN) là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp.

✓ TK sử dụng: TK 6422 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

- Kết cấu TK 6422:

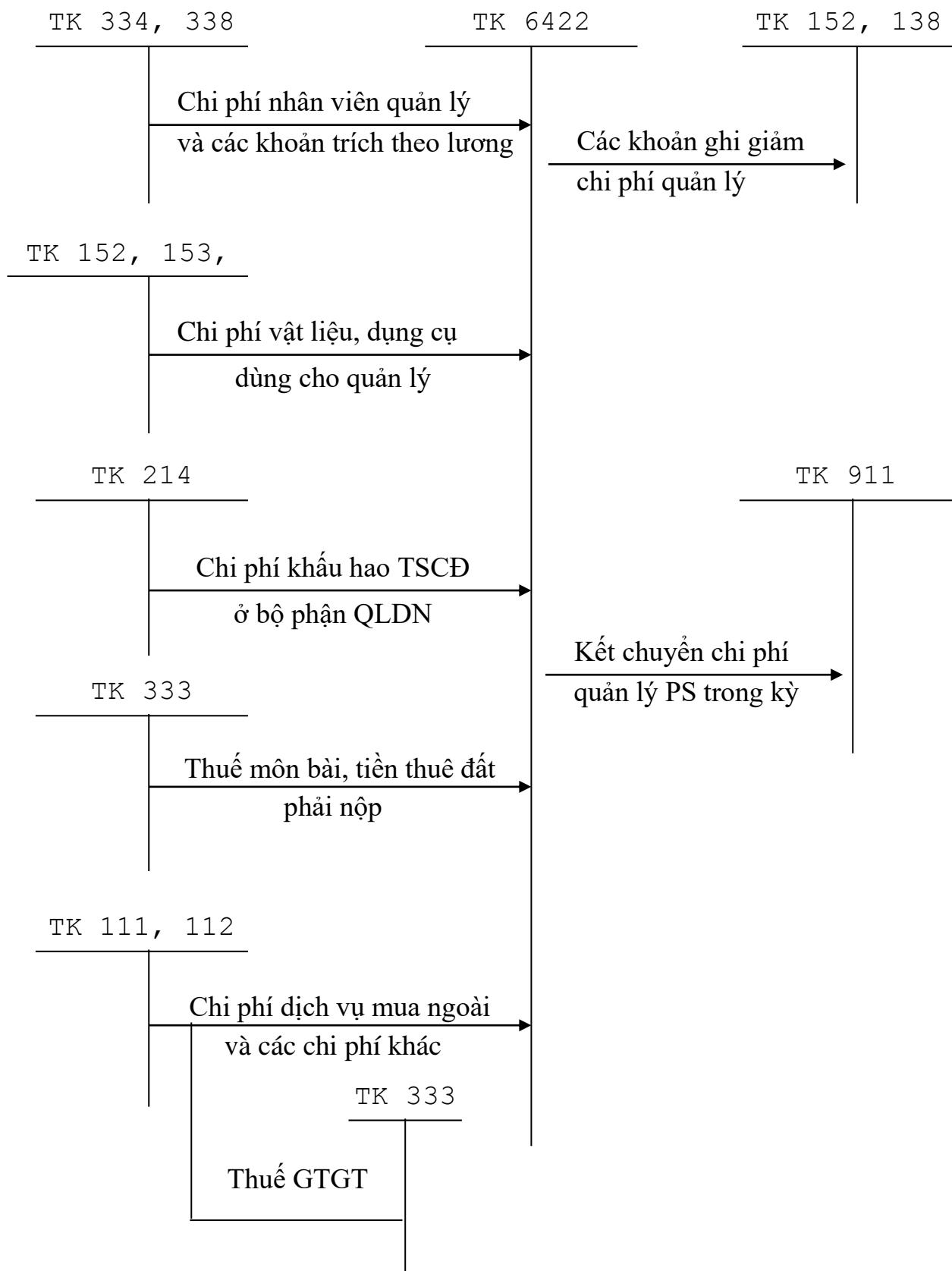
TK 6422 không có số dư

TK6422

- Các chi phí QLDN phát sinh	- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả	đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	- K/c CPQLDN vào TK 911

***Chứng từ sử dụng:***

Hóa đơn GTGT, phiếu chi, Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ....

**\* Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu về chi phí QLDN theo sơ đồ sau:****Sơ đồ 1.8 :Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp.**

### **1.2.7. Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

#### **1.2.7.1. Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

✓ **Khái niệm:**

**Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

**\*Tài khoản sử dụng:**

TK 635- chi phí tài chính.

**\*Chứng từ sử dụng:**

- ✓ Giấy báo nợ của ngân hàng
- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Phiếu kế toán
- ✓ Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan.
- ✓ Kết cấu của TK 635

Bên Nợ:

- Phản ánh chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, lỗ bán ngoại tệ.
- Phản ánh chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Phản ánh các khoản lỗ do thanh lí, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Phản ánh lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kì của hoạt động kinh doanh.
- Phản ánh lỗ tỷ giá hối đoái do cuối năm đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Phản ánh dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Phản ánh kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB ( Lỗ tỷ giá- giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Phản ánh các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Phản ánh việc hoàn thành dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán( Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kì này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Phản ánh cuối kì kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

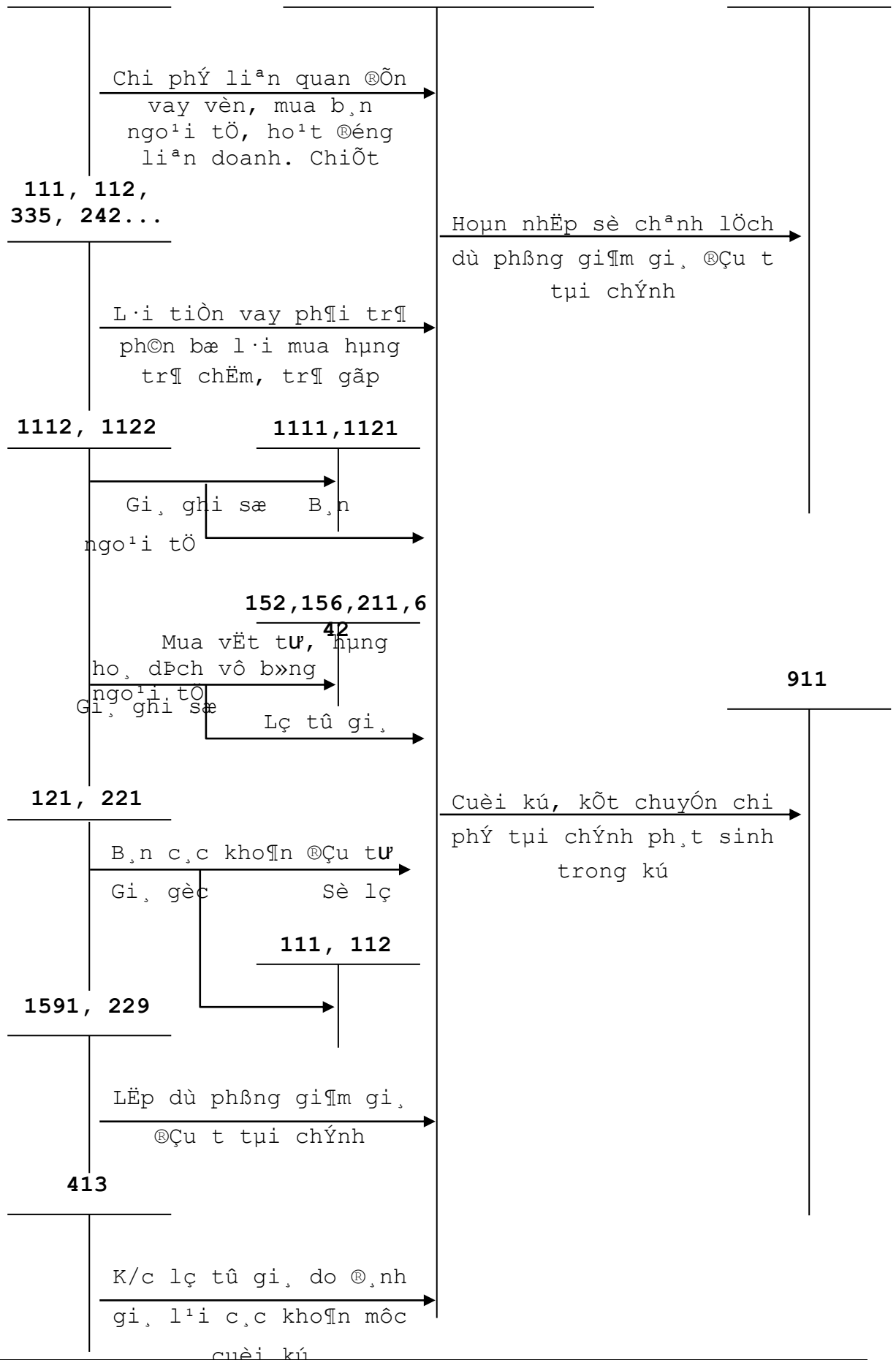
TK 635 không có số dư

Phương pháp hạch toán: Sơ đồ 1.9: sơ đồ kế toán chi phí tài chính

111, 112, 131

635 - Chi phí tài chính

1591, 229



**1.2.8. Kế toán chi phí khác**✓ **\*Khái niệm:**

Là các khoản chi phí của hoạt động phát sinh ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo doanh thu của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bỏ sót từ những năm trước.

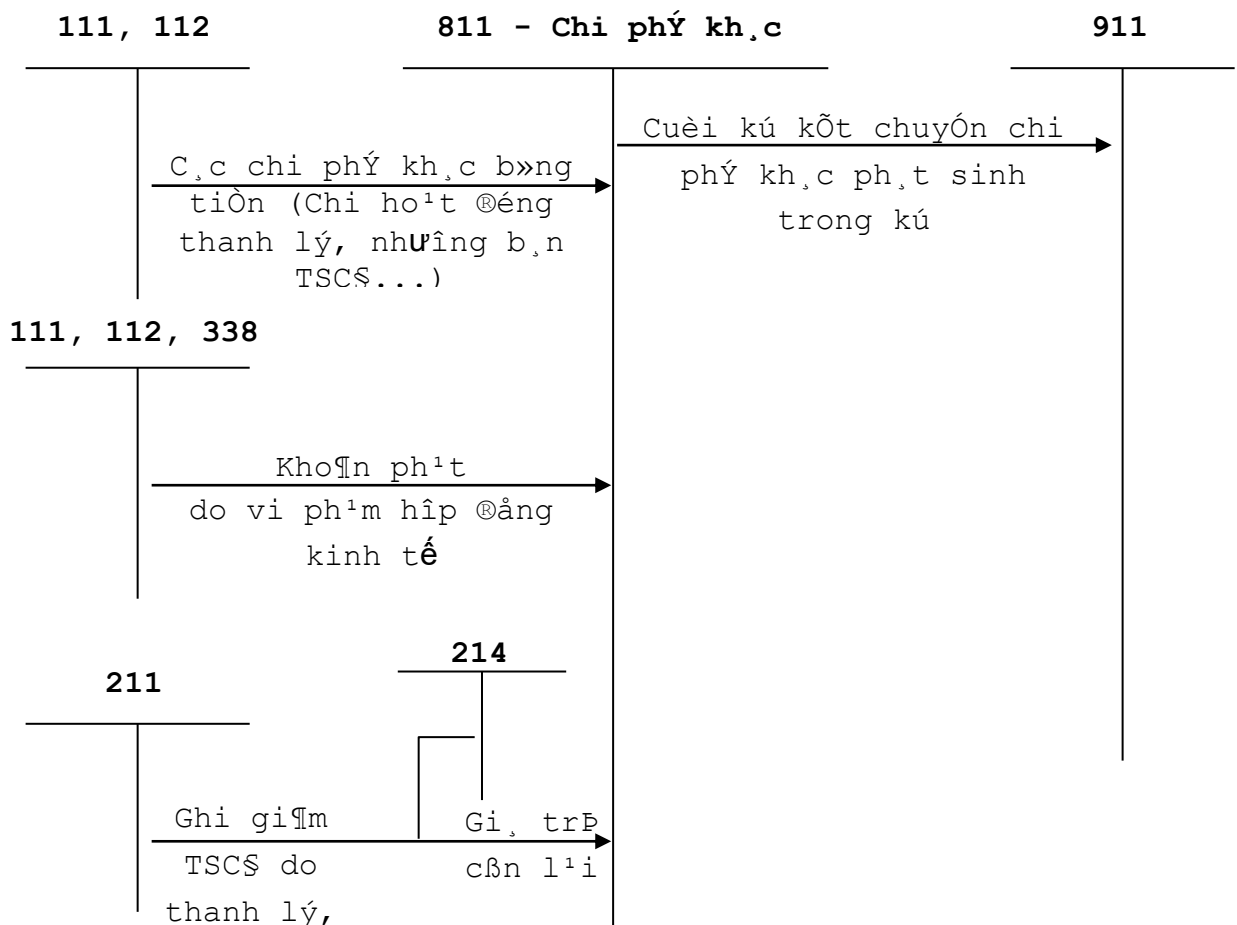
Chi phí khác phát sinh bao gồm:

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- Tiền phạt do vi phạm hoạt động kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.

✓ **\*Tài khoản sử dụng:**

TK 811- Chi phí khác.

\*Phương pháp hạch toán: **Sơ đồ 1.10: sơ đồ kế toán chi phí khác**





**1.2.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh****✓ \*Khái niệm**

Kết quả kinh doanh bán hàng (kết quả bán hàng) là chỉ tiêu phản ánh kết quả cuối cùng của hoạt động bán hàng trong một thời kỳ nhất định. Kết quả bán hàng là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn hàng bán ra, chi phí quản lý kinh doanh (bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp) được biểu hiện bằng chỉ tiêu lỗ hay lãi về bán hàng.

Trong đó doanh thu thuần là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại và thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp)

**Công thức xác định kết quả kinh doanh:**

**Kết quả kinh doanh = lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh + lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính + lợi nhuận thuần từ hoạt động bất thường**

**Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh = lợi nhuận gộp về bán hàng – CPBH – CPQLDN.**

**Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính = thu nhập từ hoạt động tài chính – chi phí hoạt động tài chính.**

**Lợi nhuận thuần từ hoạt động bất thường = thu nhập từ hoạt động bất thường – chi phí cho thu nhập bất thường**

**✓ \*Tài khoản sử dụng**

- **TK 911** – “Xác định kết quả kinh doanh” và các TK khác có liên quan.

**Kết cấu TK 911****Bên Nợ:**

- Kết chuyển trị giá vốn sản phẩm hàng hóa đã tiêu thụ
- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh
- Kết chuyển số lợi nhuận trước thuế trong kỳ

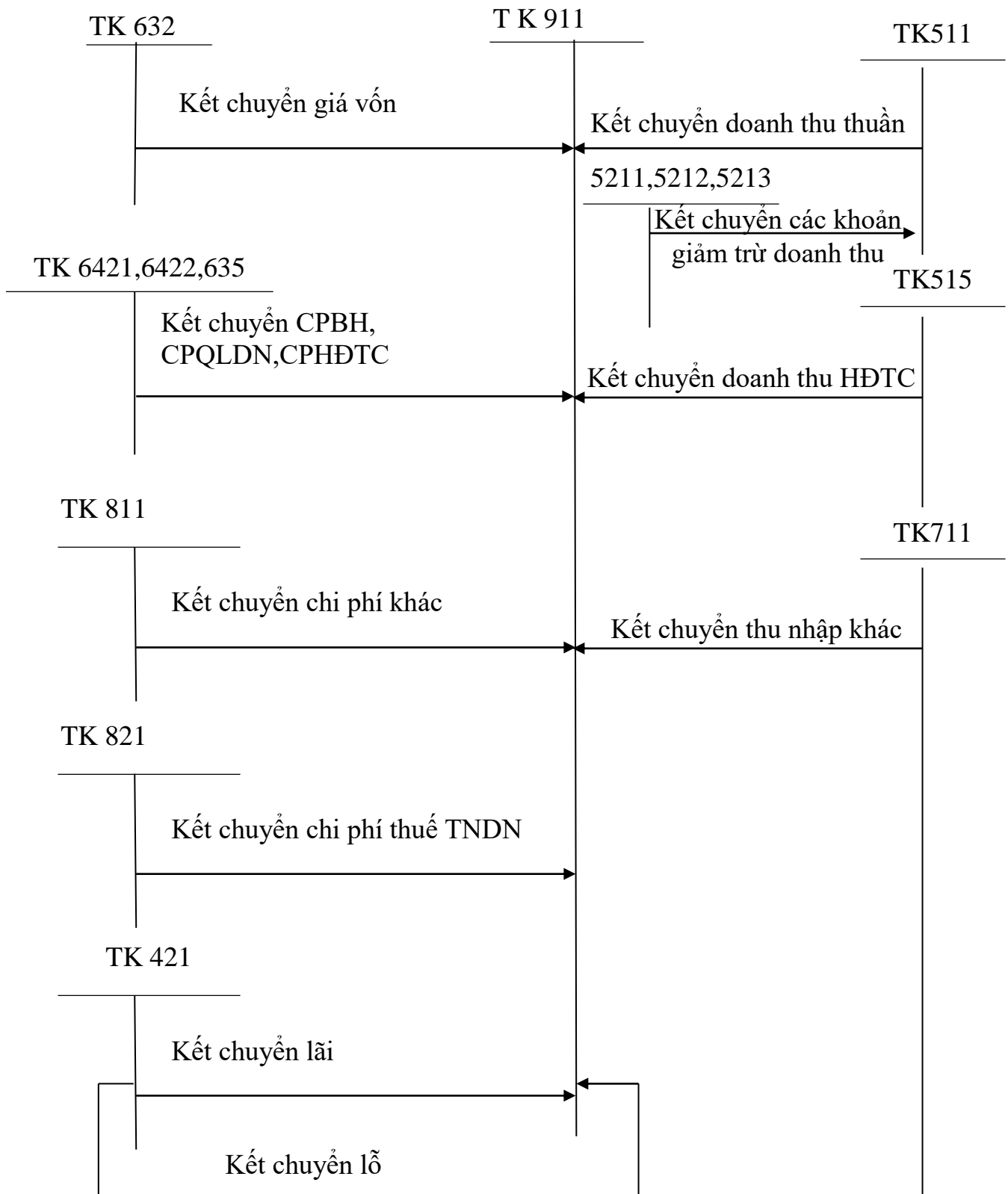
**Bên Có:**

- Kết chuyển doanh thu thuần của hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác
- Kết chuyển thực lỗ về hoạt động kinh doanh trong kỳ

Tài khoản 911 không có số dư

**Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ kế toán xác định kết quả bán hàng.**



### 1.2.10. Tổ chức, vận dụng sổ kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

#### a. Hình thức kế toán nhật ký chung (NKC):

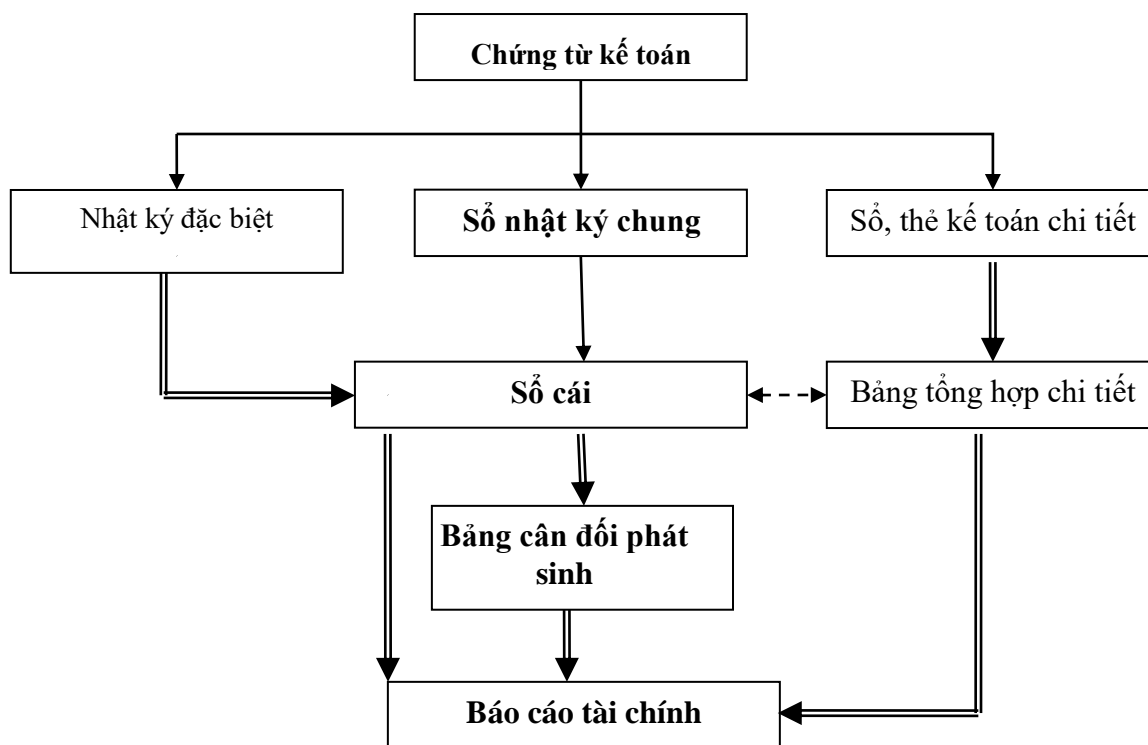
Theo hình thức này mở sổ nhật ký chung ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và quan hệ đối ứng tài khoản

Ưu điểm: Dễ ghi chép, đơn giản, thuận tiện cho công việc phân công lao động kế toán.

Nhược điểm: Còn trùng lặp trong khâu ghi chép.

Hình thức kế toán NKC gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ kế toán chi tiết gồm sổ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng, thẻ kho, sổ chi tiết NVL, CCDC, hàng hóa, thẻ TSCĐ, sổ chi tiết bán hàng,...
- Sổ kế toán tổng hợp gồm: sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt, sổ cái.



#### Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ hoạch toán theo hình thức nhật ký chung

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ	⇒
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra	↔

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

### ***b. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:***

Đặc điểm: của hình thức này là mọi nghiệp vụ kinh tế phải căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại, cùng kỳ để lập chứng từ ghi sổ (kèm theo chứng từ gốc). Sau khi lập xong trình kế toán trưởng ký và ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi đã ghi vào sổ đăng ký CTGS để ghi vào sổ cái và sổ hoặc thẻ chi tiết liên quan.

Các loại sổ kế toán như sau:

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái.
- Sổ kế toán chi tiết gồm: tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng, thẻ kho, sổ chi tiết NVL, CCDC, hàng hóa, thẻ TSCĐ, sổ chi tiết bán hàng,...

### ***c. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái:***

Đặc điểm: của hình thức này là sử dụng một sổ kế toán tổng hợp gọi là Nhật ký sổ cái để kết hợp giữa các nghiệp vụ kinh tế theo thứ tự thời gian, các chứng từ gốc sau khi được định khoản chính xác được ghi một dòng ở Nhật ký sổ cái.

*Đặc điểm về sổ kế toán:*

- Sổ kế toán tổng hợp: Sử dụng sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Sổ này vừa ghi theo trình tự thời gian vừa ghi theo hệ thống.
- Sổ kế toán chi tiết gồm sổ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng, thẻ kho, sổ chi tiết NVL, CCDC, hàng hóa, thẻ TSCĐ, sổ chi tiết bán hàng,...

### ***d. Hình thức kế toán trên máy vi tính:***

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán này là công việc của kế toán được thực hiện theo một phần mềm kế toán trên máy vi tính.

- Trình tự ghi sổ kế toán:

Hàng ngày kế toán căn cứ chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra để nhập dữ liệu vào máy vi tính. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin trên chứng từ kế toán được tự động nhập vào các sổ kế toán tổng hợp ( sổ cái TK511, TK632, TK111, TK156..) và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TUẤN HƯNG**

### **2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng**

#### **2.1.1. Thông tin của công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng**

Công ty TNHH Xây Dựng và Phát triển Tuấn Hưng được thành lập vào tháng 4 năm 2007 giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0202007480 do Sở Kế Hoạch Đầu tư và Thành phố Hải Phòng cấp, là một công ty hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng, được phép mở tài khoản tại ngân hàng, có quyền quyết định các vấn đề trong quá trình kinh doanh của công ty trong khuôn khổ của Pháp Luật Việt Nam.

Tên công ty bằng tiếng Việt: Công ty TNHH Xây Dựng và Phát triển Tuấn Hưng.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 246 Tôn Đức Thắng, phường Nam Sơn, Q.Lê Chân, Hải Phòng

Số fax : 0313.715609

Mã số thuế : 0200906680

Số tài khoản công ty : 1000024428 . Mở tại Ngân hàng SHB Hải Phòng

Vốn điều lệ của công ty : 1,2 tỉ đồng

#### **2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng**

Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng đã đi vào hoạt động được gần 10 năm và được sở Kế Hoạch Đầu tư cấp giấy phép hoạt động vào tháng 4 năm 2007.

Trong quá trình hình thành và phát triển, công ty đã gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, tập thể cán bộ công nhân viên đã không ngừng nỗ lực vượt qua những trở ngại không lường để đạt được một số thành công nhất định như ngày hôm nay.

Sau đây là một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản trong 2 năm gần đây của công ty

TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng ( biểu số 2.1)

**Biểu 2.1. Một số kết quả tài chính của công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng trong 2 năm gần đây.**

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1.doanh thu	4.961.294.986	6.531.717.479
2.lợi nhuận sau thuế	14.976.362	19.030.253
3.tổng tài sản	1.606.460.809	2.814.903.373
4.vốn chủ sở hữu	1.211.082.490	1.231.700.298

Dựa trên số liệu tổng kết sơ bộ có thể thấy năm 2016 tăng mạnh so với năm 2015

**2.1.3. Đặc điểm kinh doanh của công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng**

Các ngành nghề kinh doanh của công ty:

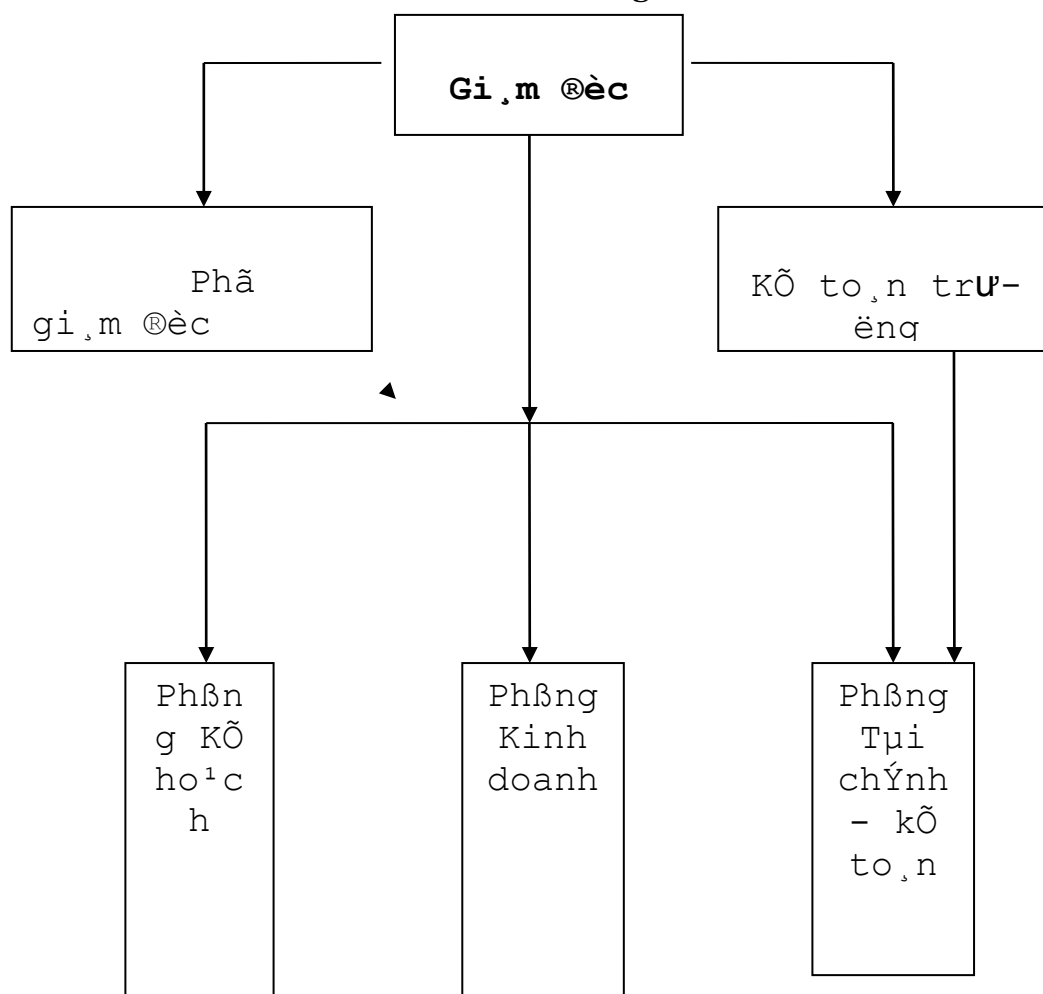
Công ty TNHH Tuấn hưng là 1 công ty mà ưu thế chính là ngành kinh doanh thương mại và vận tải tập trung chủ yếu vào ngành kinh doanh như: bóng đèn huỳnh quang, bóng compact công suất lớn và công suất nhỏ, các loại máng đèn và chóa đèn, các loại ổ cắm, nồi cơm điện, dây điện, các loại quạt như: quạt treo tường, quạt đứng, quạt cây...

**2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng**

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty theo kiểu trực tuyến. Giám đốc công ty trực tiếp điều hành các phòng ban tài chính – kế toán, kế hoạch và tổ chức hành chính.

Các phòng ban làm nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc trong quá trình ra quyết định. Các trưởng phòng, bố trí lao động điều hành các công việc cụ thể trong phạm vi quản lý của mình để thực hiện nhiệm vụ được giao. Trưởng các bộ phận có thể giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền cho cấp phó một số công việc hoặc quyền hạn nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm trước giám đốc về việc phân công và ủy quyền.

**Sơ đồ 2.1. sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng**



- Giám Đốc chịu trách nhiệm quản lý điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty,

- Phó giám Đốc phụ trách kinh doanh: Các nhiệm vụ giúp Giám Đốc về việc chØ lập kế hoạch điều hành việc kinh doanh của công ty .

- Phòng kế hoạch: Các chức năng nhiệm vụ tăng hập các kế hoạch vụ trực tiếp x©y dựng vụ triển khai kế hoạch về kinh doanh, lãn n n hng, dù tr÷ theo quý n m, phĩ hập vớ y au cÇu nhiệm vụ của công ty.

- Phòng Kinh doanh: Tæ chØc thực hiõn tèt kế hoạch kinh doanh vụ phương n kinh doanh. Thực hiõn công t, c điều tra, nghi^n cøu thP trường mẽ róng m'ng lưới kinh doanh vụ kế hoạch ©Çu tư vụo thP tr-êng mĩi ©Ó được tèt h-n.



- Phòng tại chính kỹ toán: Các trách nhiệm các chức năng các kỹ toán theo quy định của pháp luật. Thực hiện kế hoạch tại chính báo cáo về kinh doanh và các chức năng báo toán thu hải về, thực hiện kế hoạch phân chia lợi nhuận, kinh doanh. Phân tích hiệu quả của hoạt động kinh doanh các toán lợi, các trách nhiệm quản lý kinh doanh thông qua tiền về và vào hoạt động kinh doanh. Thực hiện các chức năng, năng lực cho pháp luật và các chức năng cho người lao động và các kế hoạch tại chính các.

### ***2.1.5. Những thuận lợi và khó khăn tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng***

#### **✓ Thuận lợi**

- Hoạt động của doanh nghiệp đã đi vào nề nếp, bộ máy tổ chức nhân sự từng bước được kiện toàn giúp phát huy hiệu quả và nâng cao hiệu suất làm việc của người lao động.

- Định hướng mặt hàng của công ty là đúng đắn bởi vì công ty được thành lập trong điều kiện nền kinh tế thị trường Việt Nam trong giai đoạn mở cửa, nhà nước ưu đãi đầu tư và có chính sách khuyến khích sản xuất và tiêu thụ, có nhiều ưu thế trong việc cạnh tranh.

- Công ty có được một người giám đốc có năng lực điều hành, quản lý tốt, có những phương pháp, đường lối chiến lược phát triển công ty hiệu quả. Đây cũng chính là cơ sở làm cho bộ máy công ty vận hành và phát triển vững chắc trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó là một đội ngũ cán bộ tham mưu, giúp việc có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm dày dặn, và một đội ngũ công nhân lành nghề không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ.

#### **✓ Khó khăn**

- Tình hình kinh tế nước ta có nhiều khó khăn, lạm phát và lãi vay ngân hàng là thách thức rất lớn trong điều kiện kinh doanh hiện nay. Tình hình kinh tế thế giới cũng có nhiều biến động khó lường trước tác động xấu tới hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp trên thị trường, chưa đẩy mạnh công tác quảng cáo tiếp thị sản phẩm đặc biệt là có rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ cạnh tranh về giá bán.

- Phạm vi hoạt động của công ty còn nhỏ, thương hiệu còn mới và phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp doanh nghiệp mạnh, giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động nên công tác tìm kiếm thị trường luôn là một thách thức lớn.

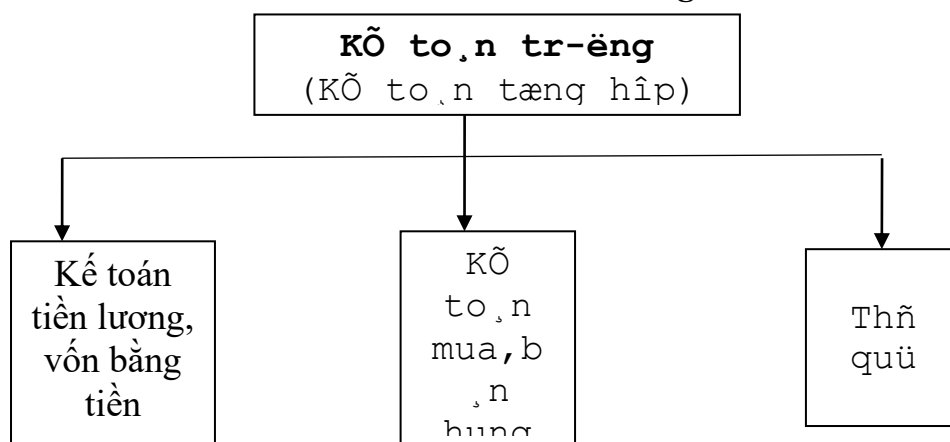
## 2.2. Đặc điểm công tác kế toán tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

### 2.2.1. Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty.

Phòng tài chính – kế toán là trung tâm cung cấp thông tin về sự vận động tài sản, các thông tin về hiệu quả kinh doanh của công ty, cũng như hiệu quả sử dụng vốn và tài sản. Đây là căn cứ giúp cho ban lãnh đạo giải quyết kịp thời, đúng đắn để kinh doanh có hiệu quả.

Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty theo mô hình kế toán tập trung.

### Sơ đồ 2.2. sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng



Với công tác nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Kế toán tr-êng: Cả nhiệm vụ hướng dẫn chỗ ®é, thó lổ kinh tở tại chýnh cho mại nh©n viªn trong phõng Tại chýnh - Kế to, n. Tiõn hụnh tæ chøc vụ ®iõu hụnh to, n bé hõ theng kỏ to, n, tham mu cho Gi, m ®éc vò c, c ho¹t ®éng s¶n xuýt kinh doanh. Đồng thời phụ tr, ch kế to, n tiền mặt, thực hiện quyết to, n thuế với nhà nước, c, c giao dịch với ng©n hàng. Phụ tr, ch t×nh h×nh nhập kho, xuất kho, tồn kho, t×nh h×nh sử dụng nguyªn vật liệu, c«ng cụ dụng cụ, thực hiện b, o c, o kịp thời.

- Kế to, n tiền lương : thực hiện nghiệp vụ kế to, n tiền lương, thực hiện quản lý quỹ lương, quỹ BHXH, BHYT, BHTN thực hiện việc chi trả lương thưởng cho nh©n

vi<sup>a</sup>n, lao ®éng trong doanh nghiÖp. Nép BHXH, BHYT, BHTN theo quy ®Þnh

- KÕ to<sub>n</sub> b<sub>n</sub> húng: theo dâi t<sub>x</sub>nh h<sub>x</sub>nh b<sub>n</sub> húng ho<sub>o</sub> thụng phÈm v<sub>u</sub> b<sub>n</sub> thụng phÈm, ®ång thêi theo dâi c«ng nî ph¶i thu kh<sub>o</sub>ch húng tr<sup>a</sup>n t<sub>u</sub>i kho¶n 131.

- Thñ quü: cïng víi kÕ to<sub>n</sub> tiÒn lương theo dâi viÖc thu, chi tiÒn mÆt t<sup>i</sup>i quü, kiÓm k<sup>a</sup> b<sub>o</sub> c<sub>o</sub> quü húng nguy.

## 2.2.2. Hình thức ghi sổ và các chính sách của công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

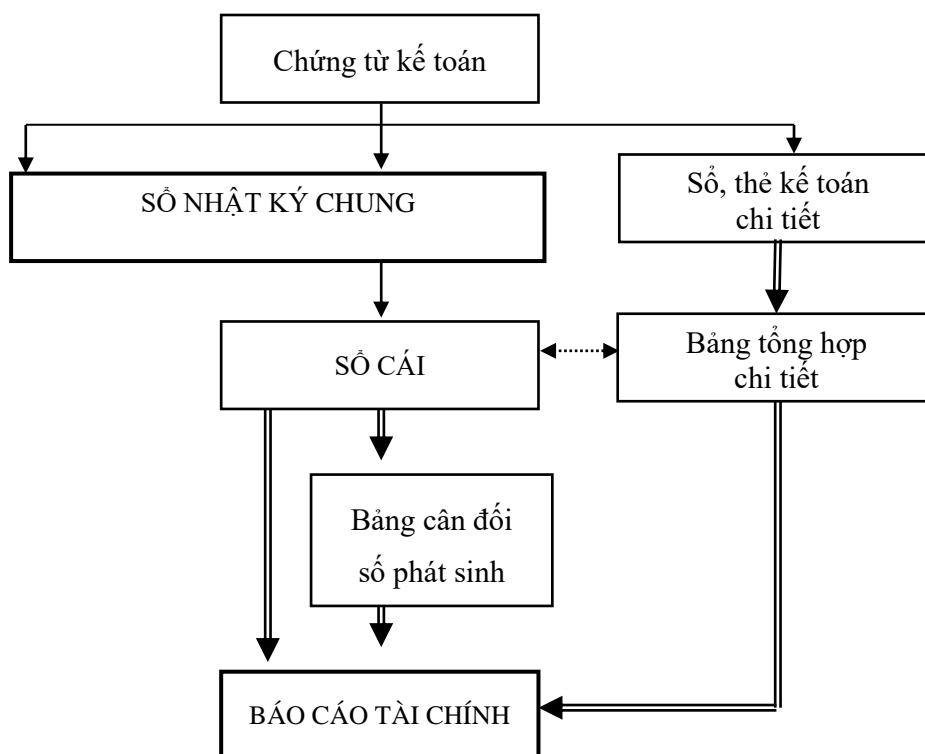
### 2.2.2.1. Hình thức ghi sổ tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng




Hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống sổ sách kế toán của công ty theo hình thức Nhật Ký Chung

#### Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức

#### Nhật ký chung

#### TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



***Ghi chú:***Ghi hàng ngày Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra 

### 2.2.2.2. Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

Công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC được ban hành vào ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá xuất hàng hóa: theo phương pháp bình quân liên hoàn
- Phương pháp tính thuế: theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao: theo phương pháp khấu hao đều.

### 2.3. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

Doanh thu của công ty TNHH Xây Dựng và phát triển Tuấn Hưng chủ yếu từ hoạt động thương mại: bán buôn và bán lẻ các mặt hàng đồ điện dân dụng.

#### 2.3.1. kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng.

Doanh thu bán hàng của công ty chủ yếu được hình thành từ hoạt động bán buôn và bán lẻ. khách hàng chủ yếu thanh toán bằng tiền mặt.

✓ Chứng từ sử dụng tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

- Hóa đơn GTGT: Khi nghiệp vụ bán hàng phát sinh, kế toán viết hóa đơn GTGT thành 3 liên:

+ Liên 1 ( màu tím ): liên gốc lưu lại quyển hóa đơn.  
+ Liên 2 ( màu đỏ ): giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng hóa và ghi sổ kế toán tại đơn vị khách hàng.

+ Liên 3 ( màu xanh ): lưu chuyển nội bộ và ghi sổ kế toán.

- Phiếu thu.

- Giấy báo có của ngân hàng.

- Các chứng từ có liên quan khác.

✓ Tài khoản sử dụng tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng  
Tài khoản được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty:

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ Tk 5111: doanh thu bán hàng hóa

✓ Sổ sách sử dụng tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

Sổ nhật kí chung

- Sổ cái Tk 511

### 2.3.1.1. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

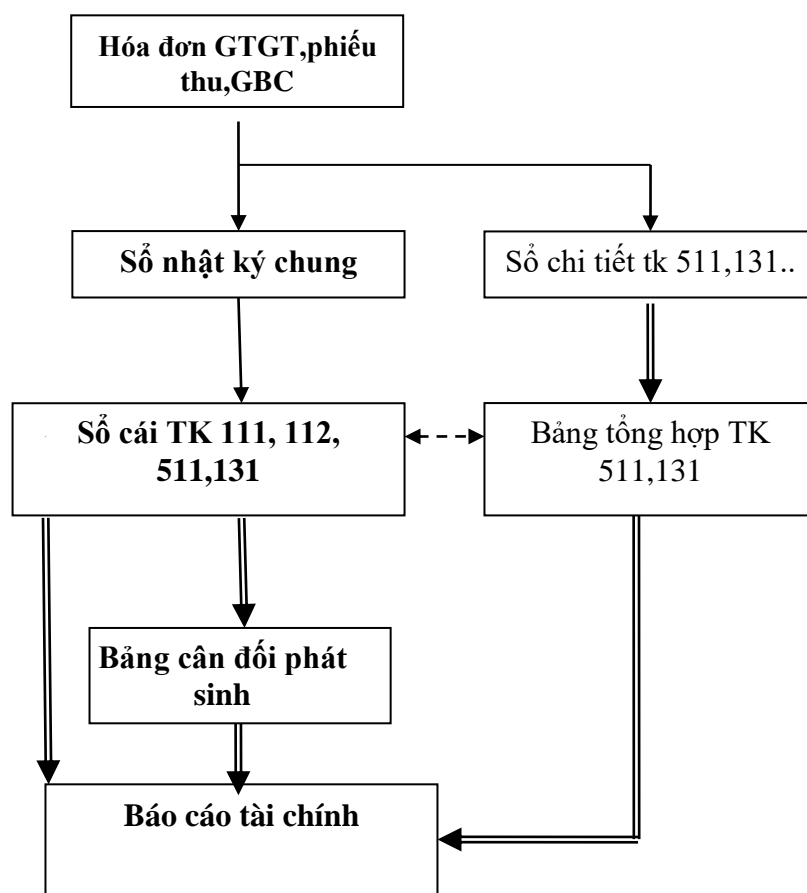
- Đối với hoạt động bán hàng: Căn cứ vào hợp đồng mua, bán ( nếu có ) hoặc căn cứ vào thỏa thuận mua bán của khách hàng, cán bộ quản lí kho viết phiếu xuất kho rồi gửi lên phòng kế toán làm căn cứ viết hóa đơn GTGT.

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có, kế toán vào sổ nhật kí chung, từ sổ nhật kí chung vào sổ cái tài khoản 511.

Cuối năm, căn cứ vào sổ cái plaapj bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng được mô tả qua sơ đồ 2.4

#### Sơ đồ 2.4. Sơ đồ luân chuyển chứng từ doanh thu bán hàng tại công ty



Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

✓ Ví dụ minh họa

\* Ví dụ 1: ngày 15/12/2016 công ty bán 50 quả bóng đèn compac Rạng Đông 40 w đơn giá 100.000đ/quả, 50 đui vít đơn giá 5.000đ/chiếc, thuế GTGT 10% cho bà Ái ở Trần Nguyên Hãn theo HĐ số 0000181. Đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu, kế toán vào sổ nhật kí chung, sổ cái TK 511.

✓ Định khoản :

a) Nợ TK111: 5.775.000

Có TK511: 5.250.000

Có TK3331: 525.000

*Chứng từ sử dụng*

- ✓ Hợp đồng thương mại số
- ✓ Biên bản giao nhận
- ✓ Hóa đơn GTGT (Hóa đơn bán hàng) số 0000181
- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Phiếu thu, giấy ủy nhiệm thu



**Biểu 2.2 HĐGTGT**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát  
Triển Tuấn Hưng  
Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng- LC-HP

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**HÓA ĐƠN (GTGT)**

Mã số 01GTKT3/001  
Kí hiệu: AA/HP

Liên 3: Nội bộ  
Ngày 15/12/2016 Số : 0000181

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

Mã số thuế:

0	2	0	0	9	0	6	6	8	0			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Họ tên người mua hàng: Bà Ái

Đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Hoàng gia

Địa chỉ: Km 92 - QL 5 - Hùng Vương -HP

Mã số thuế:

0	3	0	0	4	6	3	6	5	5			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Số TK:

Hình thức thanh toán: tiền mặt

<i>STT</i>	<i>Hàng hóa, dịch vụ</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>
1	Bóng CP Rạng Đông 40w	Quả	50	100.000	5.000.000
2	Đui vít	Chiếc	50	5.000	250.000
<b>Cộng:</b>					<b>5.250.000</b>
<b>Thuế GTGT: 10%</b>					<b>525.000</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>5.775.000</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ: năm triệu bảy trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn.</b>					

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.3:Sổ chi tiết bán hàng**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

**Mẫu số v03b-DNN**

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm:đui vít

Tháng 12 năm 2016

Đơn vị : Chiếc

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(5211, 5212,5213)
.....	.....	.....	.....	...	.....	....	.....	....	....
<b>15/12/2016</b>	<b>HD181</b>	<b>10/12/2016</b>	<b>Xuất bán cho bà Ái</b>	<b>111</b>	<b>50</b>	<b>5.000</b>	<b>250.000</b>		
23/12/2016	HD 196	23/12/2016	Xuất bán cho Hoàng gia	131	296	4.900	1.450.400		
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>564</b>		<b>2.707.200</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Người ghi sổ**

(Ký ,họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký ,họ tên)

**Biểu số 2.4. Sổ chi tiết bán hàng**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

**Mẫu số v03b-DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm: CP Rạng Đông 40w

Tháng 12 năm 2016

Đơn vị : Chiếc

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế TTĐB, XK	Khác(5211, 5212,5213)
.....	.....	.....	.....	....	....	....	....	....	....
<b>15/12/2016</b>	<b>HĐ181</b>	<b>15/12/2016</b>	<b>Xuất bán cho bà Ái</b>	<b>111</b>	<b>50</b>	<b>100.000</b>	<b>5.000.000</b>		
23/12/2016	HĐ196	23/12/2016	Xuất bán cho Hoàng gia	131	100	100.000	10.000.000		
.....	.....	.....	.....	....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>270</b>		<b>26.946.000</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

**Biểu 2.5 :Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu bán hàng**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng  
Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng – LC-HP

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG**

Tháng 12 năm 2016

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Doanh thu			Các khoản giảm trừ doanh thu	
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế TTĐB, XK	Các khoản khác
1	Cp rạng đông 40w	Chiếc	270		26.946.000		
2	Đui vát	Chiếc	564		2.707.200		
.....	.....	.....	.....	.....	.....		
	<b>Cộng</b>				<b>916.280.200</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ***(Ký ,họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký ,họ tên)*

**Biểu 2.6:Sổ nhật kí chung**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn

**Mẫu số S03a-DNN**

Hung

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ : 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

năm 2016

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...	...	...	....	....	....	....	....
15/12	PC18	15/12	Bà Ái mua hàng		111	5.775.000	
			Doanh thu bán hàng		511		5.250.000
			Thuế GTGT xuất bán		3331		525.000
15/12	PX14/1 2	10/12	Giá vốn xuất bán		632	4.646.400	
					156		4.646.400
....	.....	.....	.....		.....	.....	.....
31/12	PKT52	31/12	Kết chuyển doanh thu		511	6.531.717.479	
					911		6.531.717.479
31/12	PKT52	31/12	Kết chuyển chi phí TC		515	5.272.640	
					911		5.272.640
....	....	....	....	....	...	...	....
			<b>Cộng cuối năm</b>			<b>54.062.074.357</b>	<b>54.062.074.357</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 2.7 : Sổ cái TK 511**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát

Triển Tuấn Hưng

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

**Mẫu số S03b-DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

năm 2016

*Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**Số hiệu: 511**Đơn vị tính: VND*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
....	..	...	.....	...	.....	.....
15/12	HD181	15/12	Xuất bán cho bà Ái	111		5.250.000
....	...	...	.....	...	.....	.....
16/12	HD189	16/12	Xuất bán cho Hoàng gia	111		18.000.000
17/12	HD201	17/12	Xuất bán cho Công ty DVBV ASIA	111		17.250.000
....	....	....	....	....	....	....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>6.531.717.479</b>	<b>6.531.717.479</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

### **2.3.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**

Hiện tại ở công ty không có các khoản giảm trừ doanh thu do:

- ✓ Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.
- ✓ Công ty không có các chính sách giảm giá hàng bán.
- ✓ Sản phẩm của công ty không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

### **2.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán chính là giá thành sản phẩm sản xuất của công ty.

#### **2.3.3.1 Chứng từ sử dụng:**

- Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn hàng hoá
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ có liên quan
- ✓ Tài khoản kế toán sử dụng :

TK 632 "Giá vốn hàng bán" và các TK liên quan khác

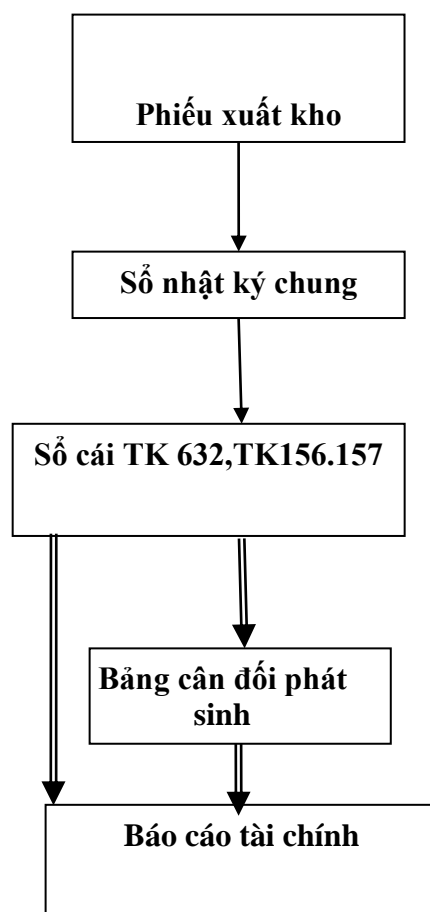
- ✓ Phương pháp kế toán

Để xác định giá vốn hàng xuất bán, công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, sử dụng phương pháp bình quân liên hoàn. Theo phương pháp này, trị giá hàng xuất kho được tính bằng cách:

Sau mỗi lần nhập hàng, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất để tính giá trị xuất:

Trị giá thực tế hàng xuất = số lượng hàng xuất \* đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

- ✓ Sổ sách sử dụng:
- ✓ Sổ nhật ký chung
- ✓ Sổ cái TK 632, TK 156, TK 157

✓ Trình tự hoạch toán giá vốn hàng bán**Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn**Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ  $\Longrightarrow$



### 2.3.3.2. Ví dụ minh họa

Ngày 10/12/2016 xuất bóng tròn 200w, bóng tròn 300w, đèn rù cho công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Hoàng gia theo hợp đồng thương mại số 2006HN/NV, tổng trị giá 39.778.200 đ, trong đó VAT10% là 3.616.200 đ theo hóa đơn số 0000150, giá vốn 24.646.400 đ theo phiếu xuất số 8/12. Khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán lập Phiếu xuất kho số 08/12, căn cứ vào Phiếu xuất kho kế toán phản ánh giá vốn hàng hóa, sản phẩm vào sổ nhật ký chung. Sau đó số liệu trên Nhật ký chung kế toán hạch toán vào sổ cái TK 632.

✓ Định khoản :

a) Nợ TK131: 39.778.200	b) Nợ TK632: 24.646.400
Có TK511: 36.162.000	Có TK156: 24.646.400
Có TK3331: 3.616.200	

#### *Chứng từ sử dụng*

- ✓ Hợp đồng thương mại số 2006HN/NV
- ✓ Biên bản giao nhận
- ✓ Hóa đơn GTGT (Hóa đơn bán hàng) số 0000150
- ✓ Phiếu xuất kho số 08/12
- ✓ Phiếu thu, giấy ủy nhiệm thu
- ✓ Sổ phụ ngân hàng
- ✓ Giấy báo có

**Biểu 2.8 :Phiếu xuất kho**

Đơn vị: Công TY TNHH MTV Tuấn Hưng  
 Bộ phận: quầy bán hàng

**Mẫu số 02 – VT**  
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày ..10.... tháng .12..... năm 2016....

Số:.....08/12                      .Nợ: .632.....

Có: .....156.....

Họ và tên người nhận hàng: Công Ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Hoàng gia

Địa chỉ: : Km 92 - QL 5 - Hùng Vương -HP

Lý do xuất kho : xuất bán

Xuất tại kho (ngăn lô): Công TY TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Bóng tròn 200w		Chiếc	710	710	25.900	18.389.000
2	Bóng tròn 300w		Chiếc	460	460	29.700	14.076.000
3	Đèn rùa		Chiếc	193	193	7.800	1.505.400
	<b>Cộng</b>						<b>24.646.400</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn  
 bốn trăm đồng chẵn

Số chứng từ gốc

kèm theo: .....

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Người nhận hàng</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ kho</b> (Ký, họ tên)	<b>Kế toán trưởng</b> <b>(Hoặc bộ phận</b> <b>có nhu cầu</b> <b>nhận)</b> (Ký, họ tên)	<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên)
--	--	--------------------------------	--	---------------------------------

**Biểu 2.9 :Sổ nhật kí chung**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển

**Mẫu số S03a-DNN**

Tuấn Hưng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

năm 2016

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...	...	...	....	....	....	....	....
10/12	HĐ0000 352	10/12	Cty TNHH DV BV Hoàng gia mua hàng		131	39.778.200	
			Doanh thu bán hàng		511		36.162.000
			Thuế GTGT xuất bán		3331		3.616.200
<b>10/12</b>	<b>PX8/12</b>	<b>10/12</b>	<b>Giá vốn xuất bán</b>		<b>632</b>	<b>24.646.400</b>	
					<b>156</b>		<b>24.646.400</b>
....	.....	.....	.....		.....	.....	.....
31/12	PKT52	31/12	Kết chuyển doanh thu		511	6.531.717.479	
					911		6.531.717.479
....	.....	.....	.....		.....	.....	.....
31/12	PKT53	31/12	Kết chuyển giá vốn		911	5.645.583.062	
					632		5.645.583.062
....	....	....	....	....	...	...	....
			Cộng cuối năm			54.062.074.357	54.062.074.357

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
(Đã ký)Kế toán trưởng  
(Đã ký)Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 2.10 :Sổ cái TK 632**

Đơn vị: Công ty Tuấn Hưng

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

**Mẫu số S03b-DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

năm 2016

*Tên tài khoản:* Giá vốn hàng bán*Số hiệu:* 632*Đơn vị tính:* VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
....	..	...	.....	...	.....	.....
<b>10/12</b>	<b>PX08/12</b>	<b>10/12</b>	<b>Xuất kho bán cho Hoàng gia</b>	<b>156</b>	<b>24.646.400</b>	
....	...	...	.....	...	.....	.....
16/12	PX015/12	16/12	Xuất kho bán cho Hoàng gia	156	16.542.000	
17/12	PX18/12	17/12	Xuất kho bán cho Công ty DVBV ASIA	156	13.254.000	
....	....	....	....	....	....	....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>5.645.583.062</b>	<b>5.645.583.062</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>-</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
(Đã ký)Kế toán trưởng  
(Đã ký)Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

### 2.2.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

TK sử dụng: TK 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh” bao gồm:

- Tk 6421: chi phí bán hàng

#### **\*Chi phí bán hàng phát sinh thực tế ở Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng**

- ✓ Cước điện thoại của bộ phận bán hàng
- ✓ Mua xăng dầu ô tô phục vụ cho việc bán hàng
- ✓ Tiền lương công nhân viên của bộ phận bán hàng
- ✓ Khấu hao TSCĐ phục vụ cho việc bán hàng

.....

Các khoản chi phát sinh được phản ánh chi phí bán hàng phải có căn cứ hợp pháp, được tổng hợp vào bên nợ TK 6421.

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911

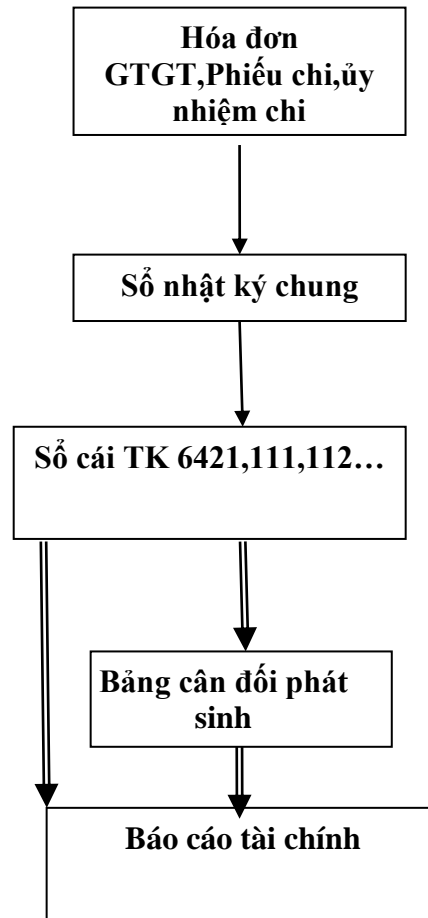
Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ.

#### ➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

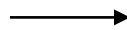
- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- ✓ Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương.
- ✓ Bảng phân bổ khấu hao
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

#### ➤ **Sổ sách kế toán sử dụng**

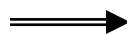
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 6421, TK 111....

**Trình tự hoạch toán chi phí bán hàng*****Sơ đồ 2.6 : Quy trình hoạch toán chi phí bán hàng***

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



**Ví dụ:**

Ngày 23/12/2016 trả tiền cước vận chuyển và cầu hàng hóa cho Hoàng gia (phiếu chi số 40/12) ,số tiền là 1.100.000 (bao gồm cả VAT 10%),theo HĐ số 0215 cho anh Kiên

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6421 : 1.000.000

Nợ TK 133 : 100.000

Có TK 111 :1.100.000

Kế toán vào sổ cái TK 642,133,111

**Biểu số 2.11 :Phiếu chi**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát

**Mẫu số S03b-DNN**

Triển Tuấn Hưng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 23 tháng 12 năm 2016

Số: 40/12

Nợ TK 642:1.000.000

Nợ TK 133: 100.000

Có TK 111:1.100.000

Họ và tên người nhận tiền: Anh Kiên

Địa chỉ: ...Lí học- Hải phòng.....

Lý do chi: Trả tiền vận chuyển theo hóa đơn GTGT0215.....

Số tiền: 1.100.000 (Viết bằng chữ) một triệu một trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ kế toán: Hóa đơn GTGT0159.....

Đã chi đủ số tiền (Viết bằng chữ): một triệu một trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 23 tháng 12 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)



**Biểu số 2.12: sổ nhật kí chung**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát

Mẫu số S03a-DNN

Triển Tuấn Hưng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...	...	...	....	....	....	....	....
23/12	PC 40/12	23/12	Trả tiền cước vận tải cho Anh Kiên		641	1.000.000	
					133	100.000	
					111		1.100.000
.....	.....	.....	.....		.....	.....	.....
25/12	PC45/12	25/12	Nhập dây loa 2 ly Tq		152	5.000.000	
					133	500.000	
					111		5.500.000
25/12	PC46/12	25/12	Trả tiền cước xe cho anh Long		641	700.000	
					133	70.000	
					111		770.000
....	....	....	....	....	....	....	....
			Cộng cuối tháng			54.062.074.357	54.062.074.357

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.13: Sổ cái tk 6421**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát

Triển Tuấn Hưng

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

**Mẫu số S03b-DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

năm 2016

*Tên tài khoản:* Chi phí bán hàng*Số hiệu:* 6421*Đơn vị tính:* VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
....	..	...	.....	...	.....	.....
<b>23/12</b>	<b>PC 40/12</b>	<b>23/12</b>	<b>Trả tiền vận chuyển cho anh Kiên</b>	<b>111</b>	<b>1.000.000</b>	
25/12	PC46/12	25/12	Trả tiền cước xe cho anh Long	111	700.000	
...		...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		410.670.00 0	410.670.000
			Số dư cuối kỳ		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**

(Đã ký)

**Kế toán trưởng**

(Đã ký)

**Giám đốc**

(Đã ký tên, đóng dấu)

- **Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

TK sử dụng: TK 6422 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

**\*Chi phí QLDN phát sinh thực tế ở Công ty TNHH Xây Dựng Và**

**Phát Triển Tuấn Hưng**

- ✓ Cước điện thoại của ban lãnh đạo công ty.
- ✓ Mua xăng dầu ô tô
- ✓ Tiền lương công nhân viên
- ✓ Khấu hao TSCĐ

.....

Các khoản chi phát sinh được phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp phải có căn cứ hợp pháp, được tổng hợp vào bên nợ TK 6422.

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911

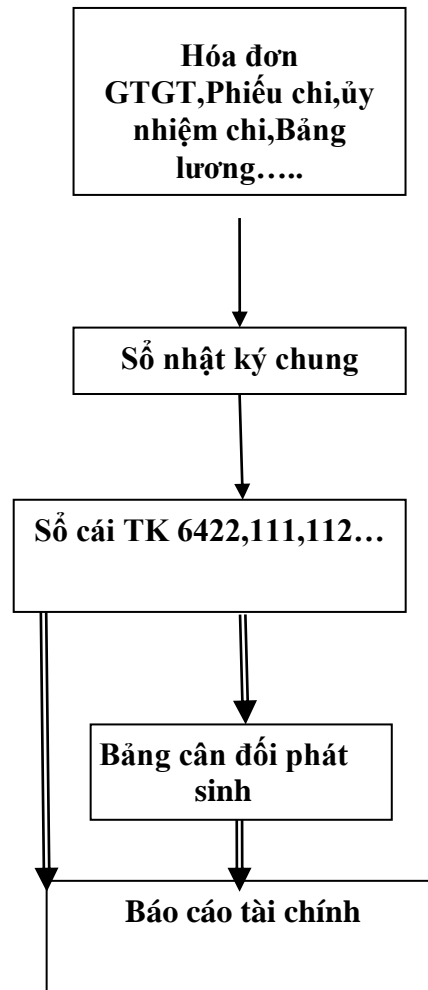
Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- ✓ Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương.
- ✓ Bảng phân bổ khấu hao
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 6422, TK 111....

**Trình tự hoạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp*****Sơ đồ 2.7: Quy trình hoạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp***

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



**Ví dụ :**

Ngày 31/12 tiền lương phải trả cho cán bộ công nhân viên tính vào chi phí QLDN theo bảng thanh toán lương số tiền là 27.500.000đ, Các khoản trích theo lương tính vào chi phí QLDN là 6.600.000, tính vào lương công nhân viên là 2.887.500

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642 : 27.500.000

Có TK 334: 27.500.000

Trích các khoản trích theo lương (24 % tính vào chi phí, 10.5% trừ vào lương công nhân) trích trên lương không trích trên thực lĩnh.

Định khoản :

Nợ TK 642 : 6.600.000

Nợ TK 3341 : 2.887.500

Có TK338 : 9.487.500

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- ✓ Phiếu chi số 19/12.
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội.

Kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 6422,133,111.

**Biểu 2.14 :Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**

Tháng 12 năm 2016

STT	Đối tượng	Phải trả người lao động			Các khoản trích theo lương(22%)					Tổng cộng
		Lương	Các khoản khác	Cộng	KP công đoàn(2%)	BHXH (18%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng	
1	CPBH	319.000.000		319.000.000	6.380.000	57.420.000	9.570.000	3.190.000	76.560.000	395.560.000
2	CP QLDN	27.500.000		27.500.000	550.000	4.950.000	825.000	275.000	6.600.000	34.100.000
	<b>Cộng</b>			<b>346.500.000</b>					<b>83.160.000</b>	<b>429.660.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(đã ký)

Kế toán trưởng

(đã ký)

Giám đốc

(đã ký)

**Biểu 2.15: Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển  
Tuần Hưng  
Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

**Mẫu số S03a-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
năm 2016

Đơn vị tính: VND

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...	...	...	....	....	...	....	....
31/12	BLT12	31/12	Lương phải trả cho bpbh		6421	319.000.000	
					334		
31/12	BLT12	31/12	Trích lương tính vào thu nhập		334	33.495.000	
					3388		33.495.000
31/12	BLT12	31/12	Trích lương tính vào chi phí cho bpbh		6421	76.560.000	
					338		76.560.000
<b>31/12</b>	<b>BLT12</b>	<b>31/12</b>	<b>Lương phải trả cho bp QLDN</b>		<b>6422</b>	<b>27.500.000</b>	
					<b>334</b>		<b>27.500.000</b>
31/12	BLT12	31/12	Trích lương tính vào thu nhập		334	2.887.500	
					338		2.887.500
<b>31/12</b>	<b>BPBLT12</b>	<b>31/12</b>	<b>Trích lương tính vào chi phí cho bp QLDN</b>		<b>642</b>	<b>6.600.000</b>	
					<b>338</b>		<b>6.600.000</b>
....	....	....	....	....	...	...	....
			<b>Cộng</b>			<b>54.062.074.357</b>	<b>54.062.074.357</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 2.16: Sổ cái tk 6422**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và  
Phát Triển Tuấn Hưng  
Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*năm 2016*

*Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp*

*Số hiệu: 6422*

*Đơn vị tính: VND*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
....	..	...	.....	...	.....	.....
22/12	PC 14/12	22/12	Thanh toán tiền cước điện thoại	111	456.879	
31/12	BLT12	31/12	Lương phải trả CNV	334	27.500.000	
31/12	BTLT 12	31/12	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí	338	6.600.000	
...	...	...	....	...	...	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>451.820.375</b>	<b>451.820.375</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>-</b>	

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)



**2.3.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính****✓ Chứng từ sử dụng:**

- Sổ phụ và giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan

**✓ Tài khoản sử dụng:**

TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính

TK 635- Chi phí tài chính

**✓ Phương pháp hạch toán:**

Khi phát sinh doanh thu tài chính các số liệu được kế toán cập nhật vào sổ chi tiết TK 515, 635, sổ nhật ký chung lập sổ cái TK 515, 635

\*Ví dụ:

Ngày 24/12/2016 lãi tiền gửi nhập vốn ở ngân hàng TMCP HH là 95.000 đ

Giấy báo có số 00650

Định khoản :

Nợ TK 112 :95.000

Có TK 515 : 95.000

Kết toán và sổ cái TK 112,515

- Ngày 18/12/2016 trả phí kiểm đếm cho ngân hàng TMCP HH số tiền là

352.574 đ(theo sổ phụ 00487)

-Định khoản:

Nợ TK 635: 352.574

Có TK 112VB :352.574

Kế toán vào sổ cái TK 635,112

**Biểu 2.17:giấy báo có**

Giấy báo có

NGÂN HÀNG TMCP HH

Mã GDV: ...

Mã KH: ....

Số: 00650....

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 24 tháng 12 năm 2016

Kính gửi: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 020101016274

Số tiền bằng số: 95.000

Số tiền bằng chữ: : [+]chín mươi năm nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Lãi gộp vốn

**GIAO DỊCH VIÊN****KIỂM SOÁT**

**Biểu 2.18: Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển  
**Tuấn Hưng**  
 Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

**Mẫu số S03a-DNN**  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			.....				
18/12	SP00487	18/12	Phí kiểm đếm	635	112	352.574	352.574
.....	.....	.....	.....	....	...	....	.....
24/12	GBC 00650	24/12	Lãi nhập gốc	112	515	95.000	95.000
		...	...			...	...
31/12	PKT52	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	515	911	2.128.218	2.128.218
31/12	PKT53	31/12	Kết chuyển Chi Phí tài chính	911	635	1.374.500	1.374.500
...		...	...			...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>54.062.074.357</b>	<b>54.062.074.357</b>

- Ngày mở sổ : 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 2.19: Sổ cái tk 515**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển

**Mẫu số S03b-DNN**

Tuấn Hưng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm: 2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			.....			
24/12	GBC 56748	24/12	Lãi nhập gốc	112		95.000
...		...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>2.128.218</b>	<b>2.128.218</b>
			Số dư cuối kỳ			

- Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
(Đã ký)Kế toán trưởng  
(Đã ký)Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 2.20: Sổ cái tk 635**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển

**Mẫu số S03b-DNN**

Tuấn Hưng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm: 2016

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			.....			
18/12	SP 42561	18/12	Phí kiểm đếm	112	352.574	
...		...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.374.500</b>	<b>1.374.500</b>
			Số dư cuối kỳ			

- Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
(Đã ký)Kế toán trưởng  
(Đã ký)Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

### **2.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh bán hàng**

#### **✓ Nội dung :**

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kì nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn hợp lí cho quá trình kinh doanh của mình.

Cuối kì, kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí quản lí kinh doanh, thu nhập khác, chi phí khác sang TK 911. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lỗ hoặc lãi.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp được xác định khi Công ty tiến hành nộp thuế, lúc đó thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và kế toán định khoản bằng bút toán :

Nợ TK 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 3334 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### **✓ Chứng từ và tài khoản sử dụng**

✓ Chứng từ sử dụng :

-Phiếu kế toán.

✓ Tài khoản sử dụng :

-TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

-TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối

#### **✓ Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng**

Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu sang bên Có TK911.  
Kết chuyển chi phí sang bên Nợ TK911

Kết quả kinh doanh = số phát sinh Có TK911 - số phát sinh Nợ TK911.

Nếu kết quả kinh doanh nhỏ hơn 0, vậy tháng đó Công ty làm ăn thua lỗ.

Kế toán sẽ ghi:

Nợ TK421: kết quả bên trên

Có TK911: kết quả bên trên

Nếu kết quả kinh doanh lớn hơn 0, thì kế toán phải tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Nhà nước sau khi hạch toán chi phí thuế TNDN vào TK821.

Thuế TNDN = (Số PS Có TK911 - Số PS Nợ TK911) \* thuế suất thuế TNDN

Sau khi tính được số thuế TNDN thực tế phải nộp, kế toán phải thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK911. Từ đó xác định lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK421.

#### ✓ **Trình tự hạch toán**

Cuối quý, năm kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số thuế TNDN phải nộp. Kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung và các sổ cái các tài khoản có liên quan.

### **Biểu 2.21 : phiếu kế toán số 126**

**Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng**

**Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP**

#### PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số :126

Stt	Nội dung	Tk nợ	Tk có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					Tk nợ	Tk có	số tiền
1	Kết chuyển 511	511	911	6.531.717.479			
2	Kết chuyển 515	515	911	2.128.218			
	<b>cộng</b>			<b>6.533.845.697</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, họ tên)

**Biểu 2.22 :Phiếu kế toán số 127****Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng****Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số : 127

Stt	Nội dung	Tk nợ	Tk có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					Tk nợ	Tk có	số tiền
1	Kết chuyển 632	911	632	5.645.583.062			
2	Kết chuyển 635	911	635	1.374.500			
3	Kết chuyển 641	911	6421	410.670.000			
4	kết chuyển 642	911	6422	451.820.375			
	<b>cộng</b>			<b>6.509.447.937</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu  
(kí, họ tên)

Kế toán trưởng  
(kí, họ tên)

**Biểu 2.23 : Phiếu kế toán số 128****Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng****Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số : 128

Stt	Nội dung	Tk nợ	Tk có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					Tk nợ	Tk có	số tiền
1	Kết chuyển 821	911	821	5.367.507			
	<b>cộng</b>			<b>5.367.507</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu  
(kí, họ tên)

Kế toán trưởng  
(kí, họ tên)



**Biểu 2.24 :phiếu kế toán số 129****Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng****Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số : 129

stt	Nội dung	Tk nợ	Tk có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					Tk nợ	Tk có	số tiền
1	Kết chuyển	821	3334	5.367.507			
	<b>cộng</b>			<b>5.367.507</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu  
(kí, họ tên)

Kế toán trưởng  
(kí, họ tên)

**Biểu 2.25 :Phiếu kế toán số 130****Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng****Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số : 130

stt	Nội dung	Tk nợ	Tk có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					Tk nợ	Tk có	số tiền
1	Kết chuyển 421	911	421	19.030.253			
	<b>cộng</b>			<b>19.030.253</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu  
(kí, họ tên)

Kế toán trưởng  
(kí, họ tên)

**Biểu 2.26: Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển

Mẫu số S03a-DNN

Tuấn Hưng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-hp

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
.....	....	....	.....	....	....	.....	.....
31/12	PKT52	31/12	Kết chuyển doanh thu	511	911	6.531.717.479	6.531.717.479
31/12	PKT52	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	2.128.218	2.128.218
31/12	PKT53	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	5.645.583.062	5.645.583.062
31/12	PKT53	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	1.374.500	1.374.500
31/12	PKT53	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6421	410.670.000	410.670.000
31/12	PKT53	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911	6422	451.820.375	451.820.375
31/12	PKT54	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	5.367.507	5.367.507
31/12	PKT55	31/12	Kết chuyển lãi	421	911	19.030.253	19.030.253
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>54.062.074.357</b>	<b>54.062.074.357</b>

- Ngày mở sổ : 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

**Biểu 2.27: Sổ cái tk 911**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển

**Mẫu số S03b-DNN**

Tuấn Hưng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: 246 Tôn Đức Thắng-LC-HP

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm: 2016

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
.....	....	....	.....	....	.....	.....
31/12	PKT52	31/12	Kết chuyển doanh thu	511		6.531.717.479
31/12	PKT52	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515		2.128.218
31/12	PKT53	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	5.645.583.062	
31/12	PKT53	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	1.374.500	
31/12	PKT53	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	6421	410.670.000	
31/12	PKT53	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	6422	451.820.375	
31/12	PKT54	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	5.367.507	
31/12	PKT52	31/12	Kết chuyển lãi	421	19.030.253	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>6.533.845.697</b>	<b>6.533.847.697</b>

- Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
(Đã ký)Kế toán trưởng  
(Đã ký)Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG 3:****MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TUẤN HƯNG****3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Xây Dựng và Phát Triển Tuấn Hưng**

Những khủng hoảng, biến động của nền kinh tế thị trường đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong những năm gần đây. Do đó công ty phải đương đầu với không ít khó khăn từ yếu tố khách quan cũng như nhu cầu chủ quan mang lại.

Trong nền kinh tế thị trường đầy thử thách buộc công ty phải tự mình kinh doanh hiệu quả, tự chủ về tài chính. Lãnh đạo công ty cũng đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực, khắc phục những khó khăn để hòa nhập với cơ chế thị trường.

Để công ty đạt được kết quả như hiện nay không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những nỗ lực đạt được của công tác kế toán. Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh ở công ty được dựa trên căn cứ khoa học, dựa trên đặc điểm, tình hình thực tế của công ty và vận dụng sáng tạo chế độ kế toán hiện hành.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Xây dựng và phát triển Tuấn Hưng với việc nghiên cứu đề tài: “*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây Dựng và phát triển Tuấn Hưng*”, em xin đưa ra một số nhận xét như sau:

**3.1.1. Ưu điểm**

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

- Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Công ty áp dụng hình thức kế toán tập trung là khá phù hợp. Theo hình thức này, mỗi kế toán sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của cán bộ kế toán, đồng thời đảm bảo được hiệu quả của công tác kế toán nói chung.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng:

Hệ thống tài khoản trong công ty hiện nay là hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 48 ngày 14/09/2006.

➤ Về chứng từ kế toán:

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác. Các chứng từ kế toán được kế toán tổng hợp và lưu giữ cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ hợp lý.

➤ Về tổ chức hệ thống sổ sách:

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ

Kế toán mở sổ chi tiết cho từng tài khoản, từng nhóm sản phẩm, hàng hóa cũng như đối với từng nhóm khách hàng, nhà cung cấp. Việc này giúp cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn, tình hình thanh toán, chi trả trước thực hiện một cách thuận tiện hơn. Đồng thời việc này giúp nhà quản trị thấy được tình hình chiếm dụng vốn của công ty để có chính sách thu hồi công nợ hợp lý.

Các bảng tổng hợp và sổ cái tài khoản được phản ánh một cách đầy đủ và khoa học, đảm bảo được yêu cầu đối chiếu, kiểm tra. Từ đó, công tác kế toán tránh được những sai sót trong quá trình hạch toán.

### **3.1.2. Nhược điểm**

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ, chưa thực sự khoa học cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có các biện pháp thiết hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Cụ thể:

➤ Chính sách bán hàng

Công ty vẫn chưa áp dụng một số biện pháp kích thích hoạt động bán hàng như giảm giá, chiết khấu thương mại khi khách hàng mua với số lượng lớn, chiết khấu thanh toán khi khách hàng thanh toán tiền nhanh.

➤ Về tổ chức công tác kế toán

Do bộ máy kế toán của công ty khá gọn nhẹ mà khối lượng công việc lại nhiều, trong khi đó công ty không sử dụng phần mềm kế toán nên việc xử lý các nghiệp vụ phát sinh còn chậm hay nhầm lẫn, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ...có thể ảnh hưởng đến tính chính xác, kịp thời của số liệu cung cấp cho người quản lý, đôi khi còn mắc phải những sai sót trong công tác hạch toán kế

toán, trong việc đối chiếu giữa các sổ với nhau và trong việc lập các báo cáo về tài chính.

➤ Về tổ chức hệ thống sổ sách

Công ty không sử dụng các sổ Nhật ký đặc biệt như sổ nhật kí bán hàng, nhật ký thu tiền... mà tất cả các nghiệp vụ phát sinh chỉ được hạch toán vào Nhật ký chung. Do đó sẽ dẫn tới tình trạng khó theo dõi, kiểm soát được tình hình tiêu thụ của công ty vì các số liệu trên Nhật ký chung dày đặc và khó theo dõi.

➤ Về việc hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

Hiện công ty chưa quy định mức rõ ràng đối với các khoản chi phí như tiếp khách, điện nước, điện thoại, chi công tác... nên chưa hạn chế được các khoản chi phí này một cách hợp lý nhất làm tổng chi phí phát sinh trong kì còn cao.

### 3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

✓ **Ý kiến 1: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên BCTC của năm báo cáo.

✓ Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã,...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

✓ Phương pháp xác định

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kê cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \frac{\text{Nợ phải thu khó đòi}}{\text{Số \% có khả năng mất}}$$

✓ Mức trích lập: (Theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trên lên

+ Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

✓ Tài khoản sử dụng: TK1592

✓ Phương pháp hạch toán

- Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK6422:

Có TK1592:

- Nếu dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí:

Nợ TK1592:

Có TK6422:

- Xóa nợ

Nợ TK1592: Nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK6422: Nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK131, 138

Đồng thời ghi Nợ TK004: Nợ khó đòi đã xử lý

Các khoản nợ phải thu khó đòi, sau khi có quyết định xử lý xóa sổ, Công ty vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và trên tài khoản 004 trong thời gian tối thiểu là 5 năm và tiếp tục có các biện pháp thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được ghi:

Nợ TK111, 112...

Có TK711

Ví dụ: Trong năm 2016 công ty phát sinh các nghiệp vụ bán hàng cho bà Ái nhưng chưa thu được tiền, kế toán gửi bảng đối chiếu công nợ tới bà Ái như sau;

Tên khách hàng: Bà Ái

## BẢNG ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

Ngày	Tên hàng	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thanh toán
	Dư đầu kì				10.965.000	
03/02/2016	lạt 100	Túi	29	17.000	493.000	
03/02/2016	lạt 200	Túi	30	27.000	810.000	
03/02/2016	lạt 300	Túi	30	29.000	870.000	
03/02/2016	lạt 400	Túi	30	31.000	930.000	
03/02/2016	lạt 500	Túi	30	35.000	1.050.000	
15/03/2016	lạt 100	túi	50	17.000	850.000	
15/04/2016	Thanh toán					2.000.000
	Tổng cộng				5.003.000	
	còn nợ lại				13.968.000	

Dựa trên bảng đối chiếu công nợ và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng để xác định số dự phòng cần lập. Từ đó lập bảng kê công nợ như sau:

Khách hàng	số tiền nợ	thời hạn thanh toán	thời gian quá hạn
Bà Ái	13.968.000	1 tháng	7,5 tháng
Bà Kiên	23.637.000	1 tháng	9 tháng
Bà Hằng	14.387.000	1 tháng	13 tháng
Ông Năm	9.362.000	1 tháng	8 tháng
Ông Mãi	4.005.000	1 tháng	25 tháng
Ông Hải	3.360.000	1 tháng	8 tháng

Dự phòng phải thu khó đòi cần lập =  $(13.968.000 + 23.637.000 + 9.362.000 + 3.360.000) * 30\% + 14.387.000 * 50\% + 4.005.000 * 70\% = 24.087.100$

kế toán định khoản:

Nợ Tk 6422: 24.087.100

Có tk 1592: 24.087.100

✓ **Ý kiến 2: Công ty cần phản ánh khoản chiết khấu thanh toán vào TK 635 “ Chi phí hoạt động tài chính”.**



Hiện nay, tại công ty chưa phát sinh nghiệp vụ liên quan đến khoản chiết khấu thanh toán mà khách hàng được hưởng nên cần mở TK 635 để phản ánh nghiệp vụ này.

Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh thì đây là 1 yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của công ty. Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng mức chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng cần dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào hoạch định chính sách kinh doanh của doanh nghiệp

Sau khi xác định mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép thông qua tài khoản 635.

Mức chiết khấu thanh toán em đề xuất như sau: ( Căn cứ vào mức lãi suất của ngân hàng là 7,5 %/ năm)

- Nếu thanh toán trước 15 ngày thì mức chiết khấu là 0,027%/ ngày ( tức là 9,72%/ năm)
- nếu thanh toán trước 9 ngày là 0,025%/ ngày ( tức là 9%/năm)
- Nếu thanh toán trước 3 ngày là 0,022%/ngày ( tức là 7,92%/năm)

**Cách tính chiết khấu thanh toán = số tiền phải thanh toán \* mức chiết khấu theo ngày \* số ngày thanh toán trước.**

✓ **Tài khoản sử dụng: TK 635- Chi phí hoạt động tài chính**

Khi phát sinh nghiệp vụ ghi:

Nợ Tk 635 : số tiền chiết khấu

Có Tk 111,112 : số tiền chiết khấu

- ✓ Ví dụ: ngày 14/12/2016 công ty TNHH Xây Dựng và Phát Triển Tuấn Hưng xuất bán cho bà Ái 1 đơn hàng, giá bán bao gồm cả thuế GTGT là 33.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày bán. Đến ngày 21/12/2016 bà Ái đã thanh toán toàn bộ tiền hàng bằng chuyển khoản và được hưởng chiết khấu thanh toán như thỏa thuận.

Kế toán định khoản:

Nợ Tk 635: 213.840

Có TK 112: 213.840

✓ **Ý kiến 3: Công ty nên nghiên cứu sử dụng phần mềm kế toán.**

Hiện nay, tại công ty, từ công việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày, việc làm các sổ nhật ký, chi chiết đến việc đưa ra các báo cáo tài chính đều thao tác trên Excel. Việc tổ chức kế toán trên Excel có nhiều nhược điểm như:

- Dung lượng trên Excel nhỏ hơn nhiều hơn nhiều so với một phần mềm kế toán.

- Làm kế toán trên Excel chỉ là trên một file tại một thời điểm.

- Dữ liệu kế toán trên Excel phải lưu làm nhiều file, dữ liệu lớn hơn 5Mb thì mở ra rất chậm.

- Chỉ đáp ứng về mặt sổ sách thông thường và các phân tích chỉ mang tính thống kê, mang tính quản trị là rất khó.

- Độ bảo mật dữ liệu là không cao.

Bởi vậy, để tiết kiệm thời gian làm việc và tăng độ chính xác của các báo cáo tài chính, Công ty nên xem xét, nghiên cứu sử dụng phần mềm kế toán.

✓ **Lợi ích của việc sử dụng phần mềm kế toán:**

▪ Nâng cao hiệu quả: Phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của doanh nghiệp dù doanh nghiệp nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm đơn giản nhất cũng có thể đem lại lợi ích.

▪ Tiết kiệm chi phí: Một lợi ích cơ bản của phần mềm kế toán là nó sẽ giảm thiểu chi phí cho doanh nghiệp. Tiết kiệm được chi phí tức là đã tăng được doanh thu cho doanh nghiệp.

▪ Tiết kiệm thời gian: thời gian quản lý chính là một trong những tiêu chuẩn đánh giá mức độ phát triển được nếu nó quản lý được các chức năng của mình trong thời gian quy định. Với việc sử dụng phần mềm kế toán, các doanh nghiệp có thể mong đợi việc hoàn thành công việc trong thời gian.

▪ Tối ưu hóa quy trình kế toán.

▪ Dễ dàng bắt đầu công việc.

✓ Các phần mềm kế toán phổ biến trên thị trường hiện nay:

Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: MISA, FASTCOUNTING, SSOFT FINACE 9.0, APRO- DN... Phần mềm được sử dụng phổ biến nhất hiện nay là phần mềm kế toán MISA.

✓ Phần mềm MISA có các tính năng vượt trội như:

- Được tiêu chuẩn hóa: Phần mềm kế toán MISA được xây dựng thống nhất với các chế độ kế toán hiện hành. Đồng thời hàng tháng thường xuyên được cập nhật các quy định mới nhất của chế độ kế toán.

- Phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp: Phần mềm kế toán MISA đầy đủ các phân hệ như: Bán hàng, mua hàng, quản lý kho, ngân hàng, quản lý quỹ, tiền lương, TSCĐ, thuế, hợp đồng, giá thành. Tất cả đều thống nhất và có sự liên kết chặt chẽ cho phép quản trị doanh nghiệp một cách tổng thể và chi tiết.

- Hiệu quả vượt trội, tính động cao: Phần mềm giúp tiết kiệm được rất nhiều thời gian và nhân lực so với thủ công, đem lại khối lượng, chất lượng công việc cao bởi MISA có chức năng tự động giúp người dùng giảm thiểu các sai sót về nghiệp vụ. Phần mềm này cho phép thực hiện tự động các bút toán, phân bổ kết chuyển cuối kỳ dựa trên các thông tin đã khai báo. Có thể sửa dễ dàng khi có sai sót.

- Đơn giản, đầy đủ và dễ sử dụng: Phần mềm đơn giản, dễ sử dụng nhưng có sự chuyên môn hóa cao. Giao diện làm việc đơn giản nhưng đầy đủ các yếu tố, thân thiện với người sử dụng. Phần mềm kế toán giúp người xem đi từ chi tiết đến tổng hợp và ngược lại, giúp người lập báo cáo tài chính ở bất kỳ thời điểm nào.

- Bảo mật, an toàn dữ liệu tuyệt đối: phần mềm kế toán có hệ thống quản lý người dùng và quyền hạn làm việc được chi tiết cụ thể cho từng đối tượng công việc: nhập chứng từ gốc, xem báo cáo cho từng người.

Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán MISA.MSE.2015



## KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, việc tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó, các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy nhanh quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Xây Dựng và Phát triển Tuấn Hưng kết hợp kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Có thể nói, công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty tương đối khoa học, hợp lý song cũng không tránh khỏi những hạn chế. Vận dụng những kiến thức đã được học kết hợp với kiến thức thực tế, em mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do khả năng còn hạn chế, thời gian thực tập và nghiên cứu có hạn nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp từ phía các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn các các cô chú, anh chị phòng Tài chính kế toán của Công ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Tuấn Hưng đã giúp đỡ em trong thời gian qua.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Th.s Trần Thị Thanh Thảo cùng toàn thể các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài báo cáo này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Trần Thị Thu Hương